

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII (CII E&C)

Tầng 20, Tòa nhà SunWah, Số 115 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: 028 3512 2712 Fax: 028 3512 0633

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2018

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
NĂM 2018**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**
- Tên Tiếng Anh: **CII ENGINEERING AND CONSTRUCTION JSC**
- Tên viết tắt: **CII E&C**
- Mã cổ phiếu: **CEE**
- Trụ sở: Tầng 20, Tòa nhà SunWah, Số 115 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại: 028 3512 2712
- Fax: 028 3512 0633
- Website: www.ciiec.com.vn
- Giấy CN ĐKDN: Số 0304200346 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp
- Vốn điều lệ đăng ký: **415.000.000.000 đồng** (Bốn trăm mười lăm tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp **415.000.000.000 đồng** (Bốn trăm mười lăm tỷ đồng)
- Người đại diện theo Ông Ngô Đình Thành, Tổng Giám đốc pháp luật:

2. Quá trình hình thành và phát triển

- **Năm 2000:** Công ty Đầu tư & Kinh doanh Công trình Giao thông 565 được thành lập theo Quyết định số 129/2000/QĐ-BGTVT ngày 18/01/2000 của Bộ Giao thông Vận tải.
- **Năm 2005:** Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần 565 theo Quyết định số 3222 ngày 31/08/2005 của Bộ Giao thông Vận tải và trong đó Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 (Cienco 5) nắm giữ 30% vốn điều lệ.

- **Năm 2007:** Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM (CII) trở thành cổ đông lớn nhất nắm giữ 30% vốn điều lệ của Công ty, và Công ty Cổ phần 565 bắt đầu tham gia xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng do CII làm chủ đầu tư.
- **Năm 2009:** CII tăng tỷ lệ nắm giữ lên 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần 565.
 - ✓ Công ty COTESCO được thành lập chuyên hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn xây dựng, trong đó Công ty Cổ phần 565 nắm giữ 51% vốn điều lệ.
 - ✓ Công ty Cổ phần 565 được tổ chức BSI cấp chứng nhận hợp chuẩn ISO 9001:2008 đối với hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
 - ✓ Năm 2009 đánh dấu sự kiện lần đầu tiên giá trị sản lượng xây lắp của Công ty Cổ phần 565 đạt giá trị gần 200 tỷ đồng.
- **Năm 2013:** Công ty Cổ phần 565 trở thành công ty con của CII và tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng. Công ty chính thức đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C) tập trung hoạt động kinh doanh chính vào xây dựng hạ tầng giao thông.
- **Năm 2014:** CII E&C tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng. Vào tháng 10 năm 2014, Công ty thực hiện mua lại 99,8% cổ phần tại Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia từ Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII. Tuy nhiên, số cổ phần này sẽ được chuyển quyền sở hữu sau 3 năm kể từ khi thanh toán mua cổ phần.
- **Năm 2015:** CII E&C thực hiện đầu tư mua lại 100% Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN) chuyên sản xuất vật liệu xây dựng
- **Năm 2016:**
 - ✓ Tháng 6 năm 2016, ban lãnh đạo Công ty quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C chuyên về kinh doanh vật liệu xây dựng.
 - ✓ Vào tháng 8 năm 2016, CII E&C mua lại 100% Công ty TNHH Xây dựng – Công nghiệp và Thương mại Toàn Phát Thịnh, một công ty thành lập từ năm 2005 và đổi tên thành Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C.
 - ✓ Tháng 12 năm 2016, CII E&C tiếp tục tăng vốn điều lệ từ 400 tỷ đồng lên 415 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên Công ty.
- **Năm 2017:** CII E&C niêm yết 41.500.000 cổ phiếu theo quyết định số 154/QĐ-SGDHCM ngày 08/05/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM và được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 77/2017/GCNCP-VSD ngày 12/04/2017.

3. Ngành nghề kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh chính

TT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
1	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
2	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cầu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất thiết bị đo lường, thiết bị điều khiển (không hoạt động tại trụ sở)
3	2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở)
4	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa phương tiện thiết bị thi công (không sản xuất, gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở)
5	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Cung ứng các loại vật tư, vật liệu xây dựng
6	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cung ứng các loại vật tư, thiết bị giao thông vận tải
7	4100	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị
8	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất
9	0321	Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

10	0150	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp Chi tiết: Chăn nuôi, trồng trọt (không hoạt động tại trụ sở)
11	8532	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Dạy nghề
12	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công nghiệp, dân dụng, điện
13	4220	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng thủy lợi, thủy điện
14	8299 (Chính)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng (B.O.T)
15	4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng giao thông
16	7710	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô, container, xe có động cơ khác
17	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê xe máy. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính), động cơ, dụng cụ máy, thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu, thiết bị đo lường và điều khiển, máy móc công nghiệp-thương mại và khoa học khác, thiết bị vận tải đường bộ, palet
18	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước, môi trường; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng điều khiển, đo lường; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)

19	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; lắp đặt máy móc, thiết bị ngành môi trường, điều khiển, đo lường (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)
20	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về môi trường; tư vấn về công nghệ
21	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)
22	3700	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)
23	3811	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)
24	3812	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)
25	3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)
26	3822	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)
27	3830	Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở)
28	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (không hoạt động tại trụ sở)
29	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện

30	4321	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt thiết bị điện, đo lường, điều khiển (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
31	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
32	2790	Sản xuất thiết bị điện khác (không hoạt động tại trụ sở)
33	2750	Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở)
34	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở)
35	4311	Phá dỡ
36	4312	Chuẩn bị mặt bằng
37	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

3.2. Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của CII E&C bao gồm xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình hạ tầng giao thông (đường bộ, đường hầm, cầu), hạ tầng nước (nhà máy cấp nước, trạm xử lý nước thải, đường ống cấp nước), và hạ tầng công nghiệp (nhà xưởng, đường xá trong khu công nghiệp) tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

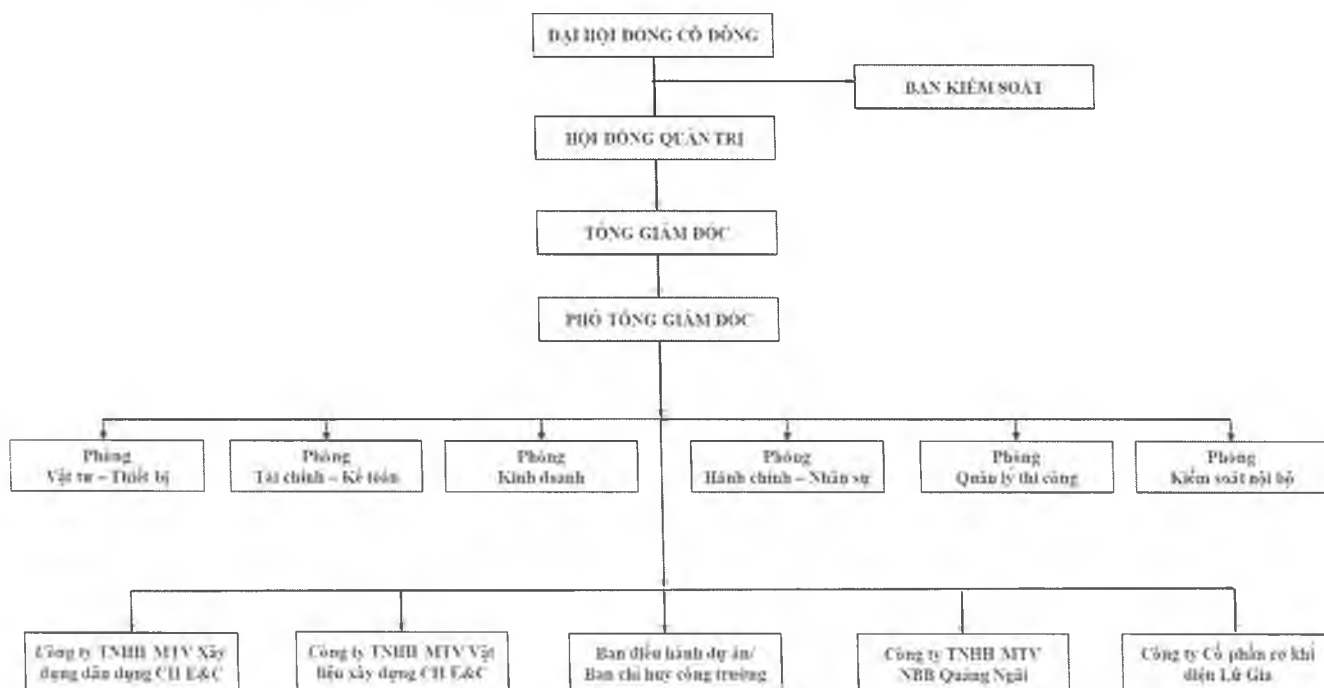
Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc điều hành.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

CII E&C được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định trong Điều lệ Công ty.

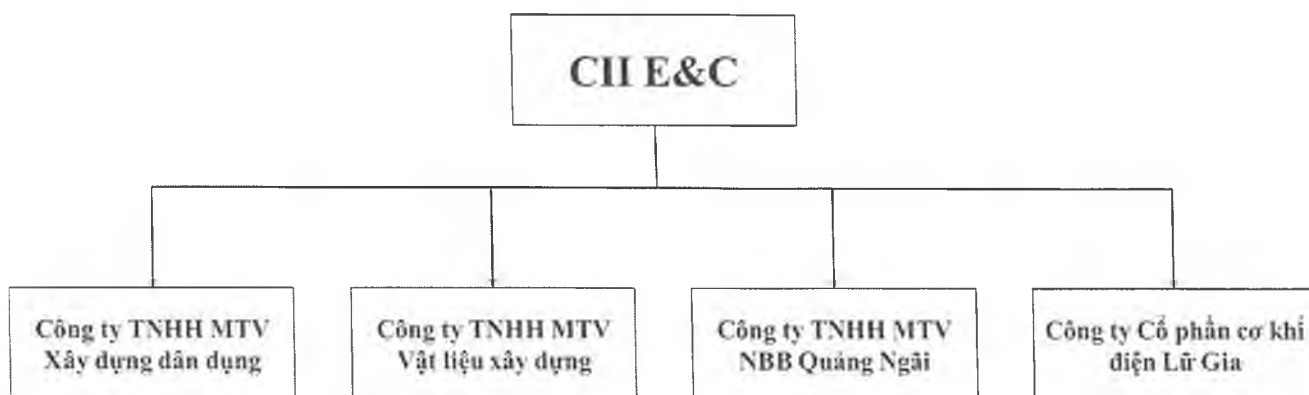
Hình 1. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



4.3. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại như sau:

Hình 2: Sơ đồ tổ chức của Công ty



CII E&C hiện có bốn công ty con. Chi tiết về các công ty con được trình bày cụ thể như sau:

Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi

- Địa chỉ: Lô C1-3, Khu công nghiệp Tịnh Phong, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi
- Giấy CNĐKKD: 4300319588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.
- Điện thoại: 0255 3677777 Fax: 0255 3677677
- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của CII E&C: 100% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh chính: khai thác sản xuất kinh doanh các loại đất đá

Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C

- Địa chỉ: 185 Hoa Lan, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM
- Giấy CNĐKKD: 0304150984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp.
- Điện thoại: 08 3620 7870 Fax: 08 3620 7871
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của CII E&C: 100% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng: dân dụng, công nghiệp
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng – Công nghiệp và Thương mại Toàn Phát Thịnh thành lập từ năm 2005. Vào tháng 8 năm 2016, công ty này được CII E&C mua lại và đổi tên thành Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C.

Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C

- Địa chỉ: 185 Hoa Lan, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

- Giấy CNĐKKD: 0313870361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của CII E&C: 100% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia

- Địa chỉ: 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM
- Giấy CNĐKKD: 0312913661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp.
- Vốn điều lệ: 78.150.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của CII E&C: 99,81% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện.

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển công ty trở thành một trong những công ty hàng đầu ở Việt Nam chuyên về xây dựng những công trình hạ tầng

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Xây dựng và áp dụng phần mềm quản lý trong toàn bộ hoạt động của Công ty đặc biệt là quản lý Dự án.
- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng hoàn thiện hệ thống quản lý tại các Công ty con để tạo thành một thể thống nhất với CII E&C.
- Nâng cao Năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh của các Công ty con (Đầu tư máy móc, Công nghệ tiên tiến, hiện đại).
- Tổ chức triển khai và thi công các Dự án Trung lương Mỹ Thuận, Dự án Quốc lộ 60, Dự án Bình Triệu 2 theo đúng kế hoạch.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về kinh tế

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của một công ty là căn cứ cơ bản cho quyết định của nhà đầu tư. Xem xét sự biến động tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty là gián tiếp dự đoán giá trị của công ty. Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá... cũng như chính sách phát triển

ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

a. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP (2009 - 2018)



Sự ổn định và tăng trưởng cả nền kinh tế Việt Nam đứng trước thách thức lớn từ khả năng biến động của nền kinh tế thế giới. Giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2018, GDP Việt Nam liên tục tăng trưởng mạnh mẽ. Khu vực Công nghiệp và Xây dựng và Khu vực Dịch vụ tăng lần lượt 8,85% và 7.03% đóng góp 48.6% và 42.7% GDP năm 2018 của Việt Nam. Tổng cầu của nền kinh tế duy trì mức tăng khá, xuất khẩu và tiêu dùng tăng cao hơn cùng kỳ.

Việc (1) Việt Nam tăng cường hội nhập với quốc tế, ký kết các hiệp định thương mại tự do – FTA; (2) Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, cơ cấu chuyển dịch theo hướng tích cực; (3) Làn sóng chuyển dịch sản xuất đầu tư từ Trung Quốc sẽ là nền tảng để kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển ổn định trong những năm sắp tới.

Tuy nhiên, kinh tế thế giới vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Chủ nghĩa bảo hộ thương mại nội địa nổi lên tại nhiều quốc gia trên thế giới, căng thẳng chiến tranh thương mại, tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu suy giảm vẫn là những yếu tố quốc tế cần phải quan tâm theo dõi.

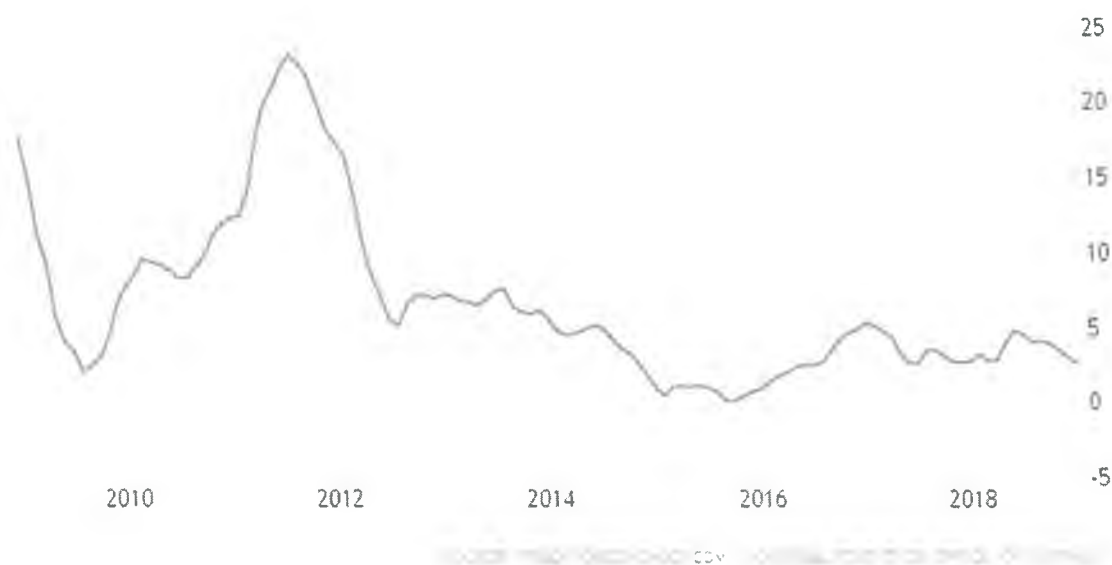
Trong nước, Việt Nam dự báo phải đối mặt với các thách thức đến từ nội tại nền kinh tế như: Trình độ công nghệ thấp, đất đai, tài nguyên đang dần bị suy giảm trong khi năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tuy có chuyển biến nhưng chưa thực sự đột phá. Bên cạnh đó, từ năm 2019 việc thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đã ký, nhất là cam kết về mở cửa thị trường, cắt giảm thuế, bảo đảm sở hữu trí tuệ sẽ

mang lại cơ hội cho Việt Nam trong thu hút các nguồn lực từ nước ngoài, nhưng đồng thời cũng là áp lực không nhỏ đối với khu vực kinh tế trong nước. Biến đổi khí hậu, thiên tai, bão, lũ luôn là thách thức tiềm ẩn, tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Để hạn chế rủi ro, Công ty phải vận hành linh hoạt và chủ động trong kinh doanh để phù hợp với sự biến động của các yếu tố trong và ngoài nước.

b. Rủi ro lạm phát

Trong năm năm trở lại đây, lạm phát ở Việt Nam diễn ra với xu hướng ổn định trong biên độ 5%. Đây là một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá sự ổn định của kinh tế vĩ mô.



Lạm phát bình quân cả năm ước khoảng 3,6%. Lạm phát cơ bản bình quân tăng dưới 1,5% so với cùng kỳ. Nhân tố tác động chủ yếu đến lạm phát năm 2018 là thực phẩm và xăng dầu: giá thực phẩm tăng 6,67% so với đầu năm (đóng góp 1,51 điểm%); nhóm giao thông tăng 7,3% so với đầu năm (đóng góp 0,68 điểm%).

Tổng quan có thể thấy rằng lạm phát đang ổn định, nằm trong mục tiêu của chính phủ đề ra. Tuy nhiên sự biến động giá cả của các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, điện, nguyên liệu sản xuất... sẽ ảnh hưởng tích cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty nói riêng.

c. Rủi ro lãi suất

Các tổ chức kinh tế nói chung và Công ty nói riêng luôn cần nguồn vốn vay từ ngân hàng để hỗ trợ trong việc sản xuất, kinh doanh hàng ngày. Vì vậy biến động lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến nợ vay và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Trong nửa đầu năm 2018, thanh khoản hệ thống tổ chức tín dụng khá dồi dào do được hỗ trợ từ việc Ngân hàng Nhà Nước mua được lượng lớn ngoại tệ. Tuy nhiên, từ cuối tháng 7/2018, thanh khoản kém dồi dào hơn chủ yếu do áp lực từ phía tỷ giá và nhu cầu về vốn cuối năm tăng cao. Lãi suất qua đêm VND tăng từ mức bình quân khoảng 1,53% trong đầu năm lên khoảng 3% trong nửa cuối năm 2018. Lãi suất trên thị trường tiền gửi của khách hàng tổ chức kinh tế và cá nhân tăng. Lãi suất tiền gửi bình quân tăng từ 5,11% năm 2017 lên 5,25% năm. Lãi suất cho vay bình quân khoảng 8,91% (năm 2017: 8,86%). Lãi suất có xu hướng tăng chủ yếu do: kỳ vọng lạm phát tăng trong bối cảnh giá hàng hóa thế giới biến động và các tổ chức tín dụng cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong năm 2019 như tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn giảm xuống 40% và chuẩn bị tăng vốn cấp 2 theo Basel II.

Năm 2019, lãi suất có thể có những yếu tố thuận lợi do: Áp lực lạm phát có thể giảm bớt khi giá dầu thế giới không biến động nhiều, Đồng USD dự báo suy yếu làm giảm áp lực từ phía tỷ giá.

Với diễn biến lãi suất ổn định, thêm vào đó Công ty đã lập kế hoạch vay và trả nợ khi sử dụng đòn bẩy tài chính để hạn chế ảnh hưởng của biến động lãi suất, tuy nhiên Công ty vẫn cần luôn tổ chức giám sát rủi ro lãi suất, hạn chế tối đa ảnh hưởng lên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.2. Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về pháp luật là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của công ty bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và Luật Xây dựng và Luật đấu thầu. Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định chưa cao, các quy định còn mới đối với doanh nghiệp và có thể phát sinh bất cập. Các sửa đổi, bổ sung được thay đổi khá thường xuyên, ít nhiều có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Chính vì vậy, để hạn chế tối đa rủi ro về pháp luật, Công ty luôn chú trọng cập nhật hệ thống pháp luật; nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật; đồng thời phối hợp với phòng Nhân sự triển khai tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật có

cán bộ công nhân viên và cổ đông của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn tham khảo và sử dụng dịch vụ tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

6.3. *Rủi ro đặc thù*

Xây dựng là ngành sản xuất kinh doanh phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro như rủi ro về thanh toán, rủi ro phát sinh từ yếu tố cạnh tranh ngành, rủi ro nhân sự, rủi ro an toàn lao động và rủi ro về nguyên vật liệu.

6.4. *Rủi ro biến động giá cổ phiếu*

Các cổ đông của Công ty và Công ty sẽ chịu rủi ro về biến động giá cổ phiếu CEE. Ngoài các yếu tố thuộc về nội tại doanh nghiệp như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhiều yếu tố bên ngoài khác như các yếu tố thuộc về kinh tế vĩ mô, thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, các sự kiện khác không lường trước được có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến giá cổ phiếu. Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh có thể ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín và việc huy động vốn của Công ty, đồng thời gây thiệt hại cho cổ đông của Công ty.

6.5. *Rủi ro khác*

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại đến tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Thực hiện 2017 (TH 2017)	Kế hoạch 2018 (KH 2018)	Thực hiện 2018 (TH 2018)	%TH2018/ TH 2017	%TH2018 /KH 2018
Doanh thu thuần	830.402	1.667.786	1.183.740	142,55%	70,98%
Lợi nhuận trước thuế	109.435	125.084	23.774	21,72%	19,01%
Lợi nhuận sau thuế	90.293	100.067	4.185	4,63%	4,18%

Năm 2018 lại là một năm khó khăn với Công ty khi các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng trọng điểm như Trung Lương - Mỹ Thuận, Xa lộ Hà Nội bị chậm tiến độ bởi những yếu tố khách quan. Cụ thể dự án Trung Lương – Mỹ Thuận gặp những vấn đề sau:

- Cơ quan quản lý chủ quản của dự án Trung lương Mỹ Thuận là Bộ Giao thông vận tải, việc điều chỉnh dự án và phê duyệt phương án nguồn vốn gặp nhiều khó khăn trong quá trình phê duyệt.
- Công ty TNHH Yên Khánh - một trong 6 thành viên liên danh đang gặp nhiều rủi ro pháp lý dẫn đến việc các ngân hàng tài trợ không đồng ý giải ngân cho dự án cho đến khi thay thế.

Dự án Xa lộ Hà Nội gặp khó khăn do vấn đề giải phóng mặt bằng, xoay quanh hai yếu tố sau:

- Khu vực quận 9 thành phố Hồ Chí Minh chưa hoàn thành quá trình bồi thường giải phóng mặt bằng thi công, khiến công trình da beo, đứt khúc dở dang ở nhiều đoạn, đặc biệt là khu vực đường song hành.
- Tại khu vực đang xây dựng tuyến Metro, mặt bằng thi công chung phải phối hợp dẫn đến việc chờ mặt bằng thi công tuyến Metro số 1 hoàn tất mới tiếp tục thi công được hạng mục của dự án Xa lộ Hà Nội. Bên cạnh đó tuyến Metro số 1 hiện vướng thủ tục liên quan đến giải ngân nguồn vốn ngân sách, do đó gây ảnh hưởng dây chuyền đến tiến độ của những mặt bằng thi công chung tại dự án Xa lộ Hà Nội.

Ngoài ra còn có một số yếu tố sau ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty:

- Giá cả nguyên vật liệu phục vụ xây dựng như sắt, thép, đá cát... tăng mạnh trong thời gian vừa qua:

- Môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt bởi sự xuất hiện của các đối thủ cạnh tranh trong ngành. Trong ngành xây dựng nhiều doanh nghiệp đấu thầu bỏ giá thấp làm cho việc trúng thầu ngày càng khó khăn hơn;
- Tình hình kinh tế, xã hội vẫn còn nhiều rủi ro không thể kiểm soát được như: rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá cả, giá vật tư, vật liệu đầu vào luôn biến động tăng, gây áp lực về tài chính cũng như việc kiểm soát giá thành sản phẩm;
- Các Ngân hàng ngày càng siết chặt công tác cho vay.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị hiện tại của Công ty bao gồm 7 thành viên. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên là 05 năm, và có thể được bầu lại khi hết nhiệm kỳ. Hội đồng Quản trị có thể bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm điều hành và quản lý chung đối với Công ty. Hội đồng Quản trị họp khi có yêu cầu, nhưng ít nhất mỗi quý, để xem xét và giám sát tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
Ông Lê Vũ Hoàng	1946	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Phạm Vũ Thức	1975	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Lê Quốc Bình	1972	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Ngô Đình Thành	1976	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành – Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hiền	1975	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành – Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	1976	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Văn Bình	1988	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập

Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị

2.1.1. Ông Lê Vũ Hoàng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- **Họ và tên:** Lê Vũ Hoàng
- **Giới tính:** Nam
- **Ngày sinh:** 15/02/1946
- **Nơi sinh :** Bến Tre
- **Số CMND:** 020096649, ngày cấp 7/3/2013, nơi cấp: CA Tp.HCM
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Địa chỉ thường trú:** 239 Trần Hưng Đạo, Q.5, T.P Hồ Chí Minh
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế
- **Tổng số CP nắm giữ:** 23.761.212 cổ phần – 60,15% SLCP đang lưu hành
 - ✓ *Đại diện CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM sở hữu:* 23.761.212 cổ phần – 60,15% SLCP đang lưu hành
 - ✓ *Cá nhân sở hữu:* 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ

2.1.2. Ông Phạm Vũ Thúc – Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị

- **Họ và tên:** Phạm Vũ Thúc
- **Giới tính:** Nam
- **Ngày sinh:** 09/10/1975
- **Nơi sinh :** Bình Định
- **Số CMND:** 023349573 ngày cấp 9/10/2010, nơi cấp: CA Tp.HCM
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Địa chỉ thường trú:** 133/24H Ngô Đức Kế, P12, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Cầu Đường
- **Tổng số CP nắm giữ:** 365.080 cổ phần - 0,924% số lượng cp đang lưu hành

2.1.3. Ông Lê Quốc Bình – Thành viên Hội đồng quản trị

- **Họ và tên:** Lê Quốc Bình
- **Giới tính:** Nam
- **Ngày sinh:** 25/02/1972
- **Nơi sinh :** Đà Nẵng

- **Số CMND:** 023833426 ngày cấp 23/8/2006, nơi cấp: CA Tp.HCM

- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Địa chỉ thường trú:** 45 Trần Phú, P4, Quận 5, Tp.HCM

- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kế toán - Kiểm toán

- **Tổng số CP nắm giữ:** 500.000 cổ phần - 1,266% số lượng cp đang lưu hành

2.1.4. Ông Ngô Đình Thành – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- **Họ và tên:** Ngô Đình Thành
- **Giới tính:** Nam
- **Ngày sinh:** 01/12/1976
- **Nơi sinh :** Quảng Nam

- **Số CMND:** 024962102 ngày cấp 28/5/2008, nơi cấp: CA Tp.HCM

- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Địa chỉ thường trú:** 572/19/40/14A Âu Cơ, P.10, Q. Tân Bình, HCM

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế/ Kỹ sư xây dựng cầu đường

- **Tổng số CP nắm giữ:** 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ

2.1.5. Ông Phùng Văn Hiền - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- **Họ và tên:** Phùng Văn Hiền

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/02/1975
- Nơi sinh : Bình Định
- Số CMND: 024904914 ngày cấp 15/3/2008, nơi cấp: CA Tp.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 28/7 Đường 32, KP7, Phường Linh Đông, Thủ Đức, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu Đường
- Tổng số CP nắm giữ: 117.180 cổ phần - 0,297% số lượng cp đang lưu hành

2.1.6. Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Họ và tên: **Nguyễn Anh Tuấn**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/08/1976
- Nơi sinh : Xã Thanh Tiên, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An
- Số CMND: 025004489 ngày cấp 06/08/2018, nơi cấp: CA Tp.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: LA 17.04, Tòa nhà Lexington Residence, 67 Mai Chí Thọ, Phường An Phú, Quận 2, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường
- Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ

2.1.7. Ông Nguyễn Văn Bình – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Bình**
- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 22/2/1988
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- Số CMND: 285142776 ngày cấp 17/6/2016, nơi cấp: CA Bình Phước
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Ấp 2, xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ

2.2. Ban điều hành

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
Ông Ngô Đình Thành	1976	Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hiền	1975	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Đức	1977	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Thanh	1975	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Xuân Phước	1977	Kế toán trưởng

2.2.1. Ông Ngô Đình Thành – Tổng giám đốc

Xem sơ yếu lý lịch tại phần 2.1.3

2.2.2. Ông Phùng Văn Hiền – Phó tổng giám đốc

Xem sơ yếu lý lịch tại phần 2.1.5

2.2.3. Ông Phạm Tiến Đức – Phó tổng giám đốc

- Họ và tên: **Phạm Tiến Đức**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/12/1977
- Nơi sinh : Cần Thơ

- Số CMND: 361735454 ngày cấp 20/05/2008, nơi cấp CA Cần Thơ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 28/11 Đường Mậu Thân, P. An Hoà, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu Đường
- Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần

2.2.4. Ông Nguyễn Trường Thanh – Phó tổng giám đốc

- Họ và tên: **Nguyễn Trường Thanh**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/03/1975
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- Số CMND: 025244716 ngày cấp 5/4/2010, nơi cấp CA Tp.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 485/32/32 KP1.Phường Tân Thạnh Đông, Quận 7, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu Đường
- Tổng số CP nắm giữ: 82.180 cổ phần, chiếm 0,208% vốn điều lệ

2.2.5. Ông Bùi Xuân Phước – Kế toán trưởng

- Họ và tên: **Bùi Xuân Phước**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/07/1977
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND: 240615396 ngày cấp 25/11/2009, nơi cấp: CA Đắk Lắk
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 9.4 Cao Ốc Đất Phương Nam, 241A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Tổng số CP nắm giữ: 39.060 cổ phần, chiếm 0,099% vốn điều lệ

2.3. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính tới ngày 31/03/2019, tổng số lao động trong Công ty hiện có là 55 người lao động. Số lao động của Công ty được phân chia theo trình độ đào tạo như sau:

Tiêu chí phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Thạc sỹ	3	5,45%
Đại học	37	67,27%
Cao đẳng	6	10,91%
Trung cấp	5	9,09%
Công nhân Kỹ thuật	4	7,27%

Với bề dày gần 20 năm trong ngành xây dựng, CII E&C sở hữu lực lượng lao động được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm thực tiễn và có ý thức tổ chức, kỷ luật cao. Đội ngũ lãnh đạo, điều hành công ty là những người chuyên nghiệp, có năng lực lãnh đạo và chuyên môn quản lý dự án, có uy tín và trải nghiệm trong ngành xây dựng. Đội ngũ công nhân thi công các dự án cơ sở hạ tầng có năng lực nghiệp vụ tốt, đảm bảo chất lượng và tiến độ các công trình.

2.4. Chính sách người lao động

2.4.1. Chính sách đào tạo và phát triển

Hoạt động trong ngành liên quan trực tiếp đến tính an toàn của người lao động nên CII E&C luôn nâng cao trình độ của người lao động nhằm xây dựng những công trình đạt chuẩn an toàn và chất lượng. Vì vậy, Công ty luôn có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực quản trị và lãnh đạo của đội ngũ cán bộ nhân viên. Việc lập kế hoạch đào tạo nhằm đáp ứng các nhu cầu sau:

- Nhu cầu đào tạo của tổ chức.
- Nhu cầu đào tạo đáp ứng công việc hiện tại.

- Nhu cầu đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân đó trong tương lai.
- Nhu cầu đào tạo theo các thỏa thuận với đối tác.
- Nhu cầu đào tạo đáp ứng theo các yêu cầu của pháp luật.

2.4.2. Chính sách lương, thưởng

- Công ty tự xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương theo Bộ luật lao động.
- Việc trả lương, trả thưởng cho người lao động trong Công ty được thực hiện theo Quy chế trả lương, Quy chế trả thưởng của công ty.
- Các hình thức trả lương bao gồm:
 - ✓ Trả lương theo vị trí công việc;
 - ✓ Trả lương theo cá nhân;
 - ✓ Trả lương theo thành tích.
- Kỳ hạn trả lương: người lao động được trả lương một tháng một lần.
- Lương tháng 13, tiền thưởng: tùy vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét, quyết định.

2.4.3. Chính sách trợ cấp/ Phúc lợi

Thực hiện theo Quy định pháp luật hiện hành và Thỏa ước lao động tập thể của công ty.

3. Tình hình thực hiện các dự án tính đến 31/12/2018

3.1. Hoạt động của Công ty

DVT: Tỷ đồng

TT	Dự án	Sản lượng hoàn thành	Giá trị HĐ ký kết	Tỷ lệ hoàn thành
1	Xa lộ Hà Nội	555.679	957.954	58,01%
2	Khu đô thị mới Thủ Thiêm	501.720	576.000	87,10%
3	Trung Lương Mỹ Thuận	166.314	1.090.414	15,25%
4	Quốc lộ 60	258.665	396.988	65,16%
5	Khu nhà ở Hưng Phú	45.446	69.562	65,33%
6	Khu Công nghiệp Phú Mỹ	21.161	33.579	63,02%

Tại dự án Xa lộ Hà Nội: Các gói thầu trên đều chậm tiến độ. Nguyên nhân do tình hình giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, mặt bằng chỉ bàn giao theo dạng da beo, khiến không thể tổ chức thi công.

Tại dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm: Một số điểm thi công bị vướng giải phóng mặt bằng và đường đang lưu thông nên không thể triển khai đồng bộ và đẩy nhanh tiến độ.

Tại dự án Cao tốc Trung lương – Mỹ Thuận: Dự án bị chậm tiến độ chủ yếu do vướng mắc tại nguồn vốn giải ngân cho dự án, tuy nhiên dưới sự chỉ đạo quyết liệt của chính phủ và sự tham gia của Tập đoàn Đèo Cả vào liên danh, dự án kỳ vọng sẽ được triển khai mạnh mẽ trong năm 2019.

Tại dự án mở rộng Quốc lộ 60: Dự án thi công đạt tiến độ, dự kiến hoàn tất trong Quý 3 năm 2019.

Tại dự án Khu nhà ở Hưng Phú: Chậm tiến độ chủ yếu từ phía chủ đầu tư, công tác điều chỉnh hồ sơ thiết kế và giải phóng mặt bằng chưa hoàn tất, ảnh hưởng đến tiến độ chung.

Tại dự án Khu công nghiệp Phú Mỹ: Chậm tiến độ do chủ đầu tư gặp vấn đề về tài chính, công tác xin giấy phép thi công gặp nhiều khó khăn.

3.2. Hoạt động của Công ty các công ty con

ĐVT: Triệu đồng

STT	Công ty	Doanh thu 2018	Thực hiện/ Kế hoạch Doanh thu năm 2018	Lợi nhuận sau thuế 2018
1	Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)	51.816	95,84%	-196
2	Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C (CII E&C-BM)	304.632	212,29%	668
3	Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C (CII E&C-CC)	310.591	99,01%	6.643
4	Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia	257.680	100,68%	11.614

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng			Hợp nhất		
	2017	2018	% tăng giảm	2017	2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.589	1.711	7,65%	1.972	2,205	11,79%

Vốn chủ sở hữu	466	431	-7,58%	511	470	-7,95%
Doanh thu thuần	543	594	9,41%	830	1,184	42,55%
Lợi nhuận từ HĐKD	57	22	-60,49%	85	27	-68,55%
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	-1	-1	103,49%	24	-3	-112,71%
Lợi nhuận trước thuế	56	21	-62,30%	109	24	-78,28%
% LNTT/DTT	10,33%	3,56%	-65,54%	13,18%	2,01%	-84,76%
Lợi nhuận sau thuế	44	7	-83,78%	90	4	-95,37%
% LNST/DTT	8,15%	1,21%	-85,17%	10,87%	0,35%	-96,75%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	9,49%	1,66%	-82,45%	17,68%	0,89%	-94,96%

Tổng giá trị tài sản cuối năm tài chính 2018 tăng 11,79%, đạt 2.205 tỷ đồng, Doanh thu của Công ty tăng 42,55% tuy nhiên những yếu tố bất lợi trong năm đã khiến cho kết quả kinh doanh của Công ty không được như kỳ vọng.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2017	31/12/2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,14	1,28
Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0,65	0,66
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	74%	79%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	286%	369%

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho	Vòng	1,51	1,64
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,42	0,54
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,87%	0,35%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	17,68%	0,89%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,58%	0,19%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,28%	2,27%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng / cp	2.110	96

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty luôn ở mức cao hơn 1 lần thể hiện sự an toàn trong khả năng thanh toán ngắn hạn. Đây là điều cần thiết đối với một doanh nghiệp xây lắp với đặc thù nhu cầu vốn lưu động lớn. Để duy trì khả năng thanh toán như vậy, Công ty luôn chủ động trong việc cân đối dòng tiền, đẩy nhanh tiến độ thanh quyết toán với chủ đầu tư, thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ và không để tình trạng đọng vốn.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/ Tổng tài sản trên 70% và hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu trên 100% của Công ty tuy hơi cao nhưng vẫn ở mức chấp nhận được. Công ty cần phải cân đối nguồn vốn để giảm thiểu rủi ro, đưa chỉ số này về mức an toàn ở những năm tiếp theo, đây là vấn đề Ban điều hành Công ty đang ráo riết thực hiện.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Công ty năm 2018 tăng so với năm 2017 do thể hiện cố gắng của Ban Điều hành trong việc cải thiện tình hình kinh doanh của Công ty.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2018 giảm so với năm 2017 do trong năm này hầu hết các dự án trọng điểm của Công ty hiện đang gặp

khó khăn, chi phí giá vốn tăng và thay đổi chính sách thuế tại Nghị định 20/2017/NĐ-CP khiến lợi nhuận của Công ty không đạt như kỳ vọng. Ban điều hành công ty sẽ tìm kiếm đưa ra các biện pháp điều chỉnh để đảm bảo lợi nhuận cho cổ đông Công ty.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần tính đến 31/12/2018

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành tính đến ngày là 41.500.000 cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.000.000 cổ phiếu phổ thông
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 41.500.000 cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu đang niêm yết: 41.500.000 cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu phổ thông

5.2. Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông chốt ngày 02/04/2019 như sau:

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	39,367,890	94,86%
	- Cá nhân	10,961,058	26,41%
	- Tổ chức	28,406,832	68,45%
2	Cổ đông nước ngoài	132,110	0,32%
	- Cá nhân	117,140	0,03%
	- Tổ chức	14,970	0,04%
3	Cổ phiếu quỹ	2,000,000	4,82%
Tổng số lượng cổ phiếu		41.500.000	100,00%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm công ty không thực hiện tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm công ty đã tiến hành mua lại 2.000.000 cổ phiếu quỹ vào quý 2 năm 2018, tổng giá trị mua lại là 39.818.367.279 đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018, Công ty chủ yếu triển khai thực hiện các công việc sau:

- Tái cơ cấu bộ máy nhân sự, hoàn thiện hệ thống quản lý của Công ty (đã cơ bản hoàn thành);
- Áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin vào công tác quản lý;
- Tiếp tục thi công và kiểm soát chất lượng, tiến độ tại các dự án đặc biệt là các dự án trọng điểm của Công ty đang thi công: Dự án Xa Lộ Hà Nội; Dự án Đầu tư XDHTKT Khu dân cư phía Bắc và Đường Bắc Nam (Từ chân cầu Thủ Thiêm đến đường Mai Chí Thọ); Dự án đường cao tốc Trung lương Mỹ Thuận; Dự án nâng cấp mở rộng QL 60; Khu dân cư Hưng Phú; Khu công nghiệp Phú Mỹ; Dự án công trình nhà ở LakeView (Lô 3.1; Lô 3.2, Lô 4.7) Khu đô thị mới Thủ Thiêm;
- Thành lập Ban kiểm soát tại Công ty Xây dựng Dân dụng để kiểm soát các hoạt động của Công ty;
- Nâng cao năng lực quản lý/ bổ sung/ bộ máy quản lý tại Công ty mẹ CII E&C và các công ty con:
 - o Rà soát đánh giá lại năng lực, chuyên môn, năng lực điều hành, ý thức làm việc của từng cán bộ, nhân viên để cương quyết chấm dứt HĐLĐ đối với những người không đáp ứng được yêu cầu công việc;
 - o Tìm kiếm, tuyển dụng nhân sự cấp cao để bổ sung vào chức danh quản lý các Công ty trực thuộc.
- Tiếp tục xúc tiến để tìm kiếm các dự án mới.

Đánh giá:

- Mặt làm được
 - ✓ Nội bộ đoàn kết, Công ty phát triển theo đúng định hướng của Công ty mẹ và Hội đồng quản trị đề ra;
 - ✓ Các dự án trọng điểm như dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm và dự án Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 60 được tổ chức thi công một cách khoa học và hoàn thành đúng tiến độ đề ra;
 - ✓ Năm 2018 Công ty đảm bảo đủ vốn đáp ứng kịp thời cho sản xuất, không có trường hợp nợ xấu;
 - ✓ Đã tổ chức tốt công tác lập dự toán, đối với một số dự án mới triển khai Công ty đã tổ chức theo sát hồ sơ dự toán từ lúc ban đầu. Khảo sát, rà soát giá cả các loại vật tư, vật liệu đưa vào hồ sơ phù hợp với thực tế thông qua công tác thẩm định giá;

▪ Tồn tại, nguyên nhân

- ✓ Doanh thu, lợi nhuận không đạt so với kế hoạch do: Các công trình, dự án chưa được phê duyệt, chưa có mặt bằng và chưa có vốn để thi công gồm: dự án Trung Lương Mỹ Thuận, dự án Mở rộng Xa Lộ Hà Nội, dự án Bình Triệu 2;
- ✓ Phương án tài chính của dự án Trung Lương Mỹ Thuận không thực hiện được cùng với các vướng mắc pháp lý dẫn đến việc không giải ngân được nguồn tiền cho dự án.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Danh sách đất đai tại 31/12/2018:

Tài sản	Địa điểm	Diện tích	Hình thức sở hữu	Tình trạng pháp lý
Đất đai	29/3, đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, Tp. HCM	293 m ²	Sở hữu riêng	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CT23829

Dưới đây là số dư tài sản cố định tại 31/12/2018:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Riêng			Hợp nhất		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	29.834	10.611	36%	148.059	74.548	50%
Nhà cửa, vật kiến trúc	0	0	-	39.333	29.801	76%
Máy móc, thiết bị	17.546	5.499	31%	82.362	32.720	40%
Phương tiện vận tải	11.492	4.885	43%	24.586	11.450	47%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Thiết bị dụng cụ quản lý	796	226	28%	1.777	578	33%
Tài sản cố định thuê tài chính	25.422	18.608	73%	26.322	19.486	74%
Tài sản cố định vô hình	280	125	44%	8.768	7.636	87%
Phần mềm máy vi tính	280	125	44%	939	685	73%
Quyền sử dụng đất	-	-	-	7.829	6.951	89%
Tổng cộng	55.536	29.343	53%	183.148	101.670	56%

Quyền sử dụng đất được sử dụng để xây dựng nhà máy sản xuất ở Khu công nghiệp thuộc xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Diện tích sử dụng đất là 40.000 m² và có thời hạn sử dụng tính đến năm 2053.

Dưới đây là số dư bất động sản đầu tư tại 31/12/2018:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
Quyền sử dụng đất	5.836.987.368	4.997.156.733	85,61%

- Bất động sản đầu tư là giá trị đất tại địa chỉ số 29/3, đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, Tp. HCM. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19/1/2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18/3/2010 của Ủy ban nhân dân Tp. HCM.
- Giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Dưới đây là số dư các khoản vay ngắn hạn, dài hạn tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2018:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	683.128.448.953	701.936.649.072

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10.357.168.490	258.686.618.031
Tổng dư nợ vay	693.485.617.443	960.623.267.103

Đặc thù ngành xây dựng có nhu cầu vốn lưu động lớn để chi trả tiền lương công nhân, vật tư xây dựng, thuê hoặc mua sắm máy móc thiết bị ... định kỳ hàng tuần, hàng tháng hay hàng quý trong khi doanh thu chỉ được ghi nhận khi hoàn thành từng hạng mục hay toàn bộ công trình và được chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán. Do vậy, phần lớn các khoản vay tài chính của Công ty là vay ngắn hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Bộ máy quản lý công ty bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban điều hành đã tiếp tục được củng cố và nâng cao năng lực quản lý góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị công ty, trong đó đặc biệt là quản trị rủi ro.

4. Kế hoạch phát triển

4.1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục tái cơ cấu bộ máy nhân sự của Công ty mẹ và các Công ty con theo tình hình thực tế công việc;
- Xây dựng, ban hành Chính sách thu hút nhân tài, chính sách thu nhập, chính sách hỗ trợ để thu hút được các nhân sự có trình độ, chuyên môn cao;
- Tìm kiếm, tuyển dụng bổ sung nhân sự chất lượng cao phục vụ các dự án Công ty đang triển khai;
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, kiểm soát tại các Công ty con;
- Nghiên cứu áp dụng công nghệ trong công tác quản lý thi công, quản lý chi phí, quản lý tiến độ;
- Tập trung triển khai, thi công có hiệu quả dự án đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận đúng tiến độ;
- Tiếp thị tìm kiếm các công trình, dự án ngoài CII;
- Xây dựng chương trình hành động trong việc quản lý cổ phiếu CII E&C: Tăng cường công tác truyền thông; tăng cường cập nhật thông tin, quảng cáo trên Facebook; tạo nguồn ngân sách quản lý....;
- Rà soát, điều chỉnh các điểm chưa phù hợp của Quy chế quản lý tài chính, Quy chế đầu tư, thanh lý tài sản tại các Công ty con; Xây dựng, ban hành Quy chế quản lý Công ty con, quy chế phối hợp giữa các Công ty con;

4.2. Dự kiến kế hoạch năm 2019

Đơn vị: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2018	So với TH năm 2018
1	Doanh thu thuần	1.518.485	1.183.740	128%
2	Lợi nhuận gộp	98.438	95.719	103%
3	Lợi nhuận trước thuế	22.501	23.774	95%
4	Lợi nhuận sau thuế	10.075	4.185	241%

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, làm việc với các nhà thầu, đội thi công. Ban điều hành đánh giá hoạt động của Công ty đã tiết kiệm tối đa năng lượng sử dụng, hạn chế tác động đến môi trường xung quanh.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động. Thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu để tăng tính gắn kết, vừa để cải thiện đời sống tinh thần của người lao động tại Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa, Công ty đã tài trợ tài chính cho Ban liên lạc BXD67-CIENCO5 để chăm sóc, hương khói cho 3 nghĩa trang liệt sĩ của Ban Xây dựng 67 tại Tỉnh Quảng Bình gồm:

- Nghĩa trang liệt sĩ Tân Ấp tại xã Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
- Nghĩa trang liệt sĩ Thọ Lộc tại xã Vạn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
- Nghĩa trang liệt sĩ Vạn Ninh tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2018 Ban điều hành Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng CII đã tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong điều kiện khó khăn chung của ngành xây dựng hạ tầng và các chỉ tiêu phát triển kinh tế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 và các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành. Công ty chủ yếu triển khai thực hiện các công việc sau:

- Tái cơ cấu bộ máy nhân sự, hoàn thiện hệ thống quản lý của Công ty (cơ bản đã hoàn thành);
- Áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin vào công tác quản lý;
- Tiếp tục thi công và kiểm soát chất lượng, tiến độ tại các dự án đặc biệt là các dự án trọng điểm của Công ty đang thi công: Dự án Xa Lộ Hà Nội; Dự án Đầu tư XDHTKT Khu dân cư phía Bắc và Đường Bắc Nam (Từ chân cầu Thủ Thiêm đến đường Mai Chí Thọ); Dự án đường cao tốc Trung lương Mỹ Thuận; Dự án nâng cấp mở rộng QL 60; Khu dân cư Hưng Phú; Khu công nghiệp Phú Mỹ; Dự án công trình nhà ở LakeView (Lô 3.1; Lô 3.2, Lô 4.7) Khu đô thị mới Thủ Thiêm;
- Thành lập Ban kiểm soát tại Công ty Xây dựng Dân dụng để kiểm soát các hoạt động của Công ty;
- Nâng cao năng lực quản lý, bổ sung nhân sự cho bộ máy quản lý tại Công ty mẹ CII E&C và các công ty con:
- Rà soát đánh giá lại năng lực, chuyên môn, năng lực điều hành, ý thức làm việc của từng cán bộ, nhân viên để cương quyết chấm dứt HĐLĐ đối với những người không đáp ứng được yêu cầu công việc;
- Tìm kiếm, tuyển dụng nhân sự cấp cao để bổ sung vào chức danh quản lý các Công ty trực thuộc.
- Tiếp tục xúc tiến để tìm kiếm các dự án mới.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

- Ban Điều hành đã làm tốt công tác báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh cho Hội đồng Quản trị nên các hoạt động của Công ty đều được Hội đồng quản trị nắm bắt kịp thời, có hướng xử lý phù hợp khi có khó khăn cần hỗ trợ.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 không đạt được mục tiêu kế hoạch, tuy nhiên vấn đề này đã được Ban điều hành giải trình với HĐQT do có sự điều chỉnh về chính

sách của nhiều dự án lớn, việc giải ngân thực hiện các dự án chưa thể triển khai thực hiện đồng bộ giống như kế hoạch HĐQT đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Căn cứ kế hoạch xuất kinh doanh năm 2019, Hội đồng Quản trị nhận thấy cần phải duy trì các công việc đã thực hiện và tập trung nhiều hơn vào một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019, bao gồm:

- Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành thường xuyên tổ chức các buổi phân tích, đánh giá, tổng kết các hoạt động theo từng tháng để đạt mục tiêu kế hoạch đã đề ra;
- Tiếp tục duy trì và nâng tầm quan hệ đối tác chiến lược với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh (CII) và các Ban quản lý dự án thuộc khu vực phía Nam để tham gia vào các dự án hạ tầng lớn do các đơn vị này làm chủ đầu tư;
- Chuẩn bị các kế hoạch giám sát và nội dung giám sát Ban Điều hành theo định kỳ hàng quý; tiếp tục duy trì việc phối hợp với Ban Kiểm soát để thị sát thực tế công tác điều hành của Ban Điều hành;

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
01	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	0 CP
02	Ông Phạm Vũ Thức	Phó Chủ tịch TT HĐQT	365.080 CP
03	Ông Lê Quốc Bình	Thành viên HĐQT	500.000 CP
04	Ông Ngô Đình Thành	Thành viên HĐQT	0 CP
05	Ông Phùng Văn Hiền	Thành viên HĐQT	117.180 CP
06	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	0 CP
07	Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT độc lập	0 CP

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp 22 cuộc họp và đã đưa ra các quyết định sau:

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	03/01/2018	Chấp thuận vay vốn tại CTCP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận
2	03/QĐ-HĐQT	10/03/2018	Miễn nhiệm Ông Phạm Vũ Thúc – Tổng Giám đốc Công ty
3	04/QĐ-HĐQT	10/03/2018	Bổ nhiệm Ông Phùng Văn Hiến – Tổng Giám đốc Công ty
4	05/QĐ-HĐQT	10/03/2018	Bổ nhiệm Ông Phạm Vũ Thúc - Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị
5	07/NQ-HĐQT	12/03/2018	Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
6	08/QĐ-HĐQT	14/03/2018	Quyết định thay đổi người diện diện theo pháp luật từ Ông Phạm Vũ Thúc sang Ông Phùng Văn Hiến
7	09/QĐ-HĐQT	14/03/2018	Quyết định bổ nhiệm Ông Phạm Tiến Đức – Phó Tổng Giám đốc Công ty
8	10/NQ-HĐQT	04/04/2018	Thông qua chủ trương mua cổ phiếu quỹ
9	11/NQ-HĐQT	06/04/2018	Điều chỉnh nguyên tắc xác định giá mua cổ phiếu quỹ
10	22/QĐ-HĐQT	07/05/2018	Bổ nhiệm Ông Lê Vũ Hoàng - Chủ tịch HĐQT Công ty
11	23/QĐ-HĐQT	07/05/2018	Bổ nhiệm Ông Phạm Vũ Thúc -Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty
12	24/NQ-HĐQT	07/05/2018	Ban hành Quy chế quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2018
13	25/NQ-HĐQT	07/05/2018	Ban hành Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2018
14	29/NQ-HĐQT	21/05/2018	Chấp thuận chủ trương vay vốn tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
15	30/NQ-HĐQT	29/05/2018	Chấp thuận chủ trương vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại BIDV - Vĩnh Long
16	31/NQ-HĐQT	18/06/2018	Ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án đường cao tốc Trung Lương Mỹ Thuận (Giai đoạn 1) theo hình thức hợp đồng BOT

17	32/NQ-HĐQT	16/07/2018	Chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C việc vay vốn tại Ngân hàng
18	33/NQ-HĐQT	11/09/2018	Miễn nhiệm Ông Phùng Văn Hiền - Tổng Giám đốc
19	34/NQ-HĐQT	11/09/2018	Bổ nhiệm Ông Phùng Văn Hiền - Phó Tổng Giám đốc
20	35/NQ-HĐQT	11/09/2018	Bổ nhiệm Ông Ngô Đình Thành - Tổng Giám đốc
21	37/NQ-HĐQT	08/11/2018	Quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường
22	38/NQ-HĐQT	08/11/2018	Quyết định tái bổ nhiệm Ông Nguyễn Trường Thanh – Phó Tổng Giám đốc
23	39/NQ-HĐQT	08/11/2018	Quyết định bổ nhiệm Ông Ngô Lê Minh – Phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị
24	40/QĐ-HĐQT	12/11/2018	Quyết định thành lập hội đồng thanh lý tài sản

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Trong năm 2018, Công ty đã bầu thêm hai thành viên Hội đồng quản trị độc lập vào Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức ngày 24/12/2018. Do thời gian được bầu rơi vào thời điểm cuối năm 2018, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập chưa chính thức triển khai công tác quản trị tại Công ty.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không.

1. Thành viên ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm có ba thành viên, danh sách như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Ông Lưu Hải Ca	Trưởng Ban Kiểm soát	0 CP
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	0 CP
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên Ban Kiểm soát	0 CP

Sơ yếu lý lịch của kiểm soát viên:

1.1. Ông Lưu Hải Ca – Trưởng ban kiểm soát

- **Họ và tên:** **Lưu Hải Ca**
- **Giới tính:** Nam
- **Ngày sinh:** 05/05/1976
- **Nơi sinh :** Quế Xuân, Quế Sơn, Quảng Nam
- **Số CMND:** 025916768 ngày cấp 21/06/2014, nơi cấp: CA Tp.HCM
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Địa chỉ thường trú:** 12-02 Lô A chung cư Mỹ Long, đường 18, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- **Trình độ chuyên môn:** Quản trị kinh doanh, tài chính kế toán
- **Tổng số CP nắm giữ:** 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ

1.2. Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thành viên ban kiểm soát

- **Họ và tên:** **Nguyễn Thị Mai Hương**
- **Giới tính:** Nữ
- **Ngày sinh:** 02/04/1972
- **Nơi sinh :** Thái Bình
- **Số CMND:** 023038910 ngày cấp 12/12/2011, nơi cấp: CA Tp.HCM
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Địa chỉ thường trú:** 37 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán

- Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ

1.3. Ông Nguyễn Văn Chính – Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Chính**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/02/1979
- Nơi sinh : Quảng Ngãi
- Số CMND: 212049394 ngày cấp 24/11/2006, nơi cấp: CA Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 1180/25/2L Quang Trung, P. 8, Q. Gò Vấp, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán
- Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần,

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2018, Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, cụ thể:

- Ban Kiểm soát đã tập trung kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty, lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác cụ thể của năm để xác định nội dung kiểm soát phù hợp.
- Tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty. Ban Kiểm soát đã có những góp ý kiến thiết thực, tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD của Công ty tại các cuộc họp của HĐQT.
- Kiểm tra, rà soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ trong năm 2018, đánh giá chi tiết những chỉ tiêu đạt được và chưa đạt, có phân tích nguyên nhân cụ thể.
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty.

- Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty; Tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán; về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và đầu tư, từ đó đề xuất kiến nghị kịp thời với Công ty.
- Kiểm soát Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm 2018, có ý kiến đóng góp đảm bảo báo cáo được lập theo quy trình, chuẩn mực, phản ánh trung thực tình hình tài chính của công ty. Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Ban Kiểm soát nhận thấy đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Thù lao và các khoản lợi ích

Thù lao và các khoản lợi ích khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và Quy chế hoạt động Công ty. Cụ thể như sau:

3.1.1. Thù lao của HĐQT năm 2018

Thù lao trước thuế của các thành viên HĐQT 6 tháng đầu năm 2018 là 266.666.667 đồng. Vì tình hình kinh doanh không thuận lợi, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất không chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát 6 tháng cuối năm 2018.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Thù lao (sau thuế)
01	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	72.000.000 đồng
02	Ông Ngô Đình Thành	Phó Chủ tịch TT HĐQT	36.000.000 đồng
03	Ông Lê Quốc Bình	Thành viên HĐQT	36.000.000 đồng
04	Ông Phạm Vũ Thức	Thành viên HĐQT	36.000.000 đồng
05	Ông Mai Thanh Trúc	Thành viên HĐQT	24.000.000 đồng
06	Ông Phùng Văn Hiền	Thành viên HĐQT	12.000.000 đồng
07	Ông Nguyễn Xuân Bài	Thư ký HĐQT	24.000.000 đồng

BÁO CÁO THUỜNG NIÊN NĂM 2018

3.1.2. Thù lao của Ban kiểm soát năm 2018

Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát năm 2018 là 93.333.333 đồng

TT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Thù lao (sau thuế)
01	Nguyễn Thị Mai Hương	Trưởng Ban kiểm soát	36.000.000 đồng
02	Nguyễn Văn Chính	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000 đồng
03	Lê Thị Bé Mum	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000 đồng

3.1.3. Thù lao của Ban điều hành năm 2018

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Thu nhập tại thời điểm 31/12/2018
01	Ông Ngô Đình Thành	Tổng Giám đốc	Không nhận từ Công ty
02	Ông Phùng Văn Hiền	Phó Tổng Giám đốc	31.680.000 đ/tháng
03	Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc	31.680.000 đ/tháng
04	Ông Bùi Xuân Phước	Kế toán trưởng	31.680.000 đ/tháng

Trong năm 2018, Công ty đã chi tổng cộng 2.147.868.117 đồng để trả lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc Công ty.

3.2. Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2018)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2018)		Thời điểm bắt đầu và kết thúc giao dịch
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ	21.165.222	53,58%	21.715.112	54,97%	09/08/2018
						07/09/2018
Nguyễn Trường Thanh	Phó Tổng Giám đốc	117.180	0,30%	82.180	0,21%	10/09/2018
						09/10/2018
Lê Thị Bé Mum	Thành viên BKS	0	0,00%	1.500	0,00%	15/11/2018
						30/11/2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2018, Công ty phát sinh giao dịch với các Công ty trong cùng tập đoàn như sau:

Công ty liên quan	Năm 2018 (đồng)
Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. HCM	3.703.277.515.661
Nhận vốn hợp tác thi công dự án	1.381.491.506.849
Hoàn trả vốn hợp tác thi công dự án	893.237.868.587
Thanh toán chi phí sử dụng vốn	2.762.131.413
Chuyển vốn hợp tác đầu tư	724.904.635.000
Thu hồi vốn hợp tác đầu tư	186.000.000.000
Cán trừ công nợ hai bên	493.716.261.812
Cổ tức đã trả cho công ty mẹ trong năm	21.165.112.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	120.150.224.236
Thu tiền khối lượng thi công xây lắp	107.983.557.569
Thu lãi trái phiếu	12.166.666.667
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	428.125.454.377
Nhận thanh toán mua vật tư và thi công công trình	408.125.454.377
Nhận tiền hỗ trợ vốn	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	8.101.701.606
Thu tiền thi công dự án DT 741	8.101.701.606
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	272.032.461.941
Thu tiền thi công các công trình	187.014.602.569
Thu hộ tiền thi công dự án Quốc lộ 60 cho các bên liên doanh	65.972.812.150
Thu tiền vay	12.000.000.000
Chuyển trả tiền vay	7.000.000.000
Lãi vay đã trả	45.047.222
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	10.389.022.003
Thu tiền thi công và bán vận tư	8.767.862.098
Cán trừ công nợ phải thu, phải trả	1.621.159.905
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	501.412.106

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Thanh toán tiền thi công	438.684.834
Chi phí thi công sơn đường, vệ sinh mặt đường	62.727.272
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh địa ốc Lữ Gia	694.184.160
Thanh toán tiền thuê văn phòng	694.184.160
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	239.717.472.996
Tiền đi vay nhận được trong năm	149.000.000.000
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	1.337.883.000
Lãi đi vay nhập vào nợ gốc vay	7.097.290.196
Cần trừ tiền thi công vào nợ gốc vay	25.944.416.800
Thu tiền thi công dự án	56.337.883.000
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	13.445.460.864
Nhận tạm ứng tiền bán hàng	13.445.460.864
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	4.508.992.907
Thu tiền thi công dự án	4.508.992.907

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018

Trong năm 2018, Công ty phát sinh doanh thu với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Năm 2018 (đồng)
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: <i>Khối lượng thi công dự án Thủ Thiêm</i>	421.010.402.718
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu : <i>Khối lượng thi công dự án QL60</i>	183.798.457.091
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	152.795.750.794
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận: <i>thi công các gói thầu dự án Trung Lương Mỹ Thuận</i>	58.824.976.364
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án DT741</i>	7.468.968.330
Công ty CII B&R: <i>Khối lượng thi công các công trình và doanh thu bán hàng hóa</i>	4.647.202.461
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu:	4.099.084.461

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

<i>Khối lượng thi công công trình dự án Cầu Ông Dầu</i>	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng tỉnh Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công công trình Ninh Thuận</i>	(1.493.306.260)
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2 và trạm thu phí Cà Ná</i>	(8.229.800.195)
Tổng cộng	822.921.735.764

Trong năm 2018, Công ty đã phát sinh doanh thu tài chính với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Năm 2018 (đồng)
Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. HCM	25.483.678.153
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	12.166.666.667
Tổng cộng	37.650.344.820

Trong năm 2018, Công ty đã phát sinh chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Năm 2018 (đồng)
Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. HCM	8.224.754.963
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	7.097.290.196
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	838.356.164
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	248.655.555
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Lữ Gia	828.827.482
Tổng cộng	17.237.884.360

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

Công ty luôn tuân thủ tối đa các hướng dẫn tại nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị Công ty đại chúng. Ngoài ra trong năm 2018, Công ty đã sửa đổi, ban hành Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty theo Thông tư 95/2017/TT-BTC theo hướng dẫn do Bộ Tài chính Ban Hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Vấn đề nhấn mạnh:

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.23 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng thể hiện rằng Công ty chưa ghi nhận khoản cổ tức năm 2017 phải trả cho cổ đông với giá trị là 20.750.000.000 đồng. Đây là khoản cổ tức đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty chưa ra quyết định chi trả cổ tức, do đó khoản cổ tức này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Vui lòng xem tại phần đính kèm của Báo cáo thường niên năm 2018

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII, Công ty báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, quý cổ đông, quý nhà đầu tư được rõ.

Trân trọng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 61

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Tầng 20, Tòa nhà SunWah, Số 115 đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Engineering and Construction JSC.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 20, Tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Thức	Phó Chủ tịch thường trực (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Ngô Đình Thành	Thành viên
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phùng Văn Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Đình Thành	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 9 năm 2018)
Ông Phạm Vũ Thức	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Phùng Văn Hiền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm Tổng Giám đốc ngày 10 tháng 3 năm 2018, miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 11 tháng 9 năm 2018)
Ông Nguyễn Trường Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2018)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Hải Ca	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm Thành viên ngày 24 tháng 12 năm 2018 và trở thành Trưởng Ban kiểm soát ngày 22 tháng 1 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên (miễn nhiệm vị trí Trưởng ban kiểm soát, trở thành thành viên từ ngày 22 tháng 1 năm 2019)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Lê Thị Bé Mùm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Tầng 20, Tòa nhà SunWah, Số 115 đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Đình Thành
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Số: 311 /2019/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2019, từ trang 5 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Vấn đề nhấn mạnh**

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.23 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng thể hiện rằng Công ty chưa ghi nhận khoản cổ tức năm 2017 phải trả cho cổ đông với giá trị là 20.750.000.000 đồng. Đây là khoản cổ tức đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty chưa ra quyết định chi trả cổ tức, do đó khoản cổ tức này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 26 tháng 3 năm 2018.



Phan Huy Thăng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0147-2018-137-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Tiên Trình
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1806-2018-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.882.727.910.556	1.654.143.264.130
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	36.115.978.855	102.348.349.253
1. Tiền	111		36.115.978.855	92.348.349.253
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	161.001
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	161.001
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.104.737.172.888	829.353.286.614
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	197.153.502.374	209.193.970.548
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	143.176.573.675	158.662.477.413
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	553.786.736.375	197.574.190.058
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	215.547.995.105	268.798.317.752
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(4.927.634.641)	(4.875.669.157)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	736.066.056.463	707.809.014.052
1. Hàng tồn kho	141		736.066.056.463	707.809.014.052
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.808.702.350	14.632.453.210
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.061.236.341	1.492.005.438
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.747.466.009	13.140.447.772

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		322.351.529.189	318.320.441.114
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24.129.486.444	5.193.393.790
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	24.129.486.444	5.193.393.790
II. Tài sản cố định	220		101.670.220.090	113.150.761.468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	74.548.490.710	78.117.214.194
- Nguyên giá	222		148.059.096.822	138.779.122.063
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.510.606.112)	(60.661.907.869)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	19.486.187.953	27.701.501.067
- Nguyên giá	225		26.321.636.347	33.309.876.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.835.448.394)	(5.608.375.280)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	7.635.541.427	7.332.046.207
- Nguyên giá	228		8.767.531.506	8.831.388.649
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.131.990.079)	(1.499.342.442)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	4.997.156.733	4.997.156.733
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	5.836.987.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(839.830.635)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		997.272.727	856.323.202
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	997.272.727	856.323.202
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		120.000.000.000	120.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.14	120.000.000.000	120.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		70.557.393.195	74.122.805.921
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	38.928.226.215	38.176.272.024
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.15	2.417.117.116	2.240.322.516
3. Lợi thế thương mại	269	5.16	29.212.049.864	33.706.211.381
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.205.079.439.745	1.972.463.705.244

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	1.735.037.755.512	1.461.813.168.179
I. Nợ ngắn hạn	310	1.476.301.245.492	1.445.611.725.421
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 5.17	270.754.929.813	150.621.959.964
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 5.18	433.742.730.562	518.569.074.907
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.19	19.952.021.914	15.464.399.057
4. Phải trả người lao động	314	4.385.924.074	6.041.439.187
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 5.20	6.683.530.741	2.983.152.035
6. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.21	37.317.933.708	67.739.064.085
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 5.22	701.936.649.072	683.128.448.953
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.527.525.608	1.064.187.235
II. Nợ dài hạn	330	258.736.510.020	16.201.442.758
1. Phải trả dài hạn khác	337 5.21	-	5.750.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 5.22	258.686.618.031	10.357.168.490
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341 5.15	49.891.989	94.274.268
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	470.041.684.233	510.650.537.065
I. Vốn chủ sở hữu	410 5.23	470.041.684.233	510.650.537.065
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	400.000.000	400.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	(39.818.367.279)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	8.878.207.573	7.099.220.906
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	85.406.105.805	87.970.101.299
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a	82.969.890.810	(689.672.346)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	2.436.214.995	88.659.773.645
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	175.738.134	181.214.860
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	2.205.079.439.745	1.972.463.705.244

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc




Ngô Đình Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CHI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.24	1.183.784.847.430	830.401.835.217
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.24	44.707.349	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.24	1.183.740.140.081	830.401.835.217
4. Giá vốn hàng bán	11	5.25	1.088.021.557.323	667.009.399.049
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		95.718.582.758	163.392.436.168
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.26	57.285.306.001	42.225.388.058
7. Chi phí tài chính	22	5.27	69.032.939.281	59.447.529.137
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		69.019.864.514	59.446.566.852
8. Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.28	5.096.018.078	6.294.285.868
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.29	52.037.599.518	54.530.184.495
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		26.837.331.882	85.345.824.726
12. Thu nhập khác	31	5.30	525.495.300	27.841.627.499
13. Chi phí khác	32	5.31	3.588.422.766	3.752.508.428
14. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.062.927.466)	24.089.119.071
15. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.774.404.416	109.434.943.797
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.32	19.810.758.093	16.462.665.473
17. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.15	(221.176.879)	2.679.755.991
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.184.823.202	90.292.522.333
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.169.299.928	90.270.559.651
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		15.523.274	21.962.682
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.34	96	2.110

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Ngô Đình Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.774.404.416	109.434.943.797
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	21.157.800.639	257.660.996
Các khoản dự phòng	03	51.965.484	419.926.889
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	354.064	962.285
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(56.718.132.274)	(41.406.730.568)
Chi phí lãi vay	06	69.019.864.514	59.446.566.852
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	57.286.256.843	128.153.330.251
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	76.834.986.220	(62.273.054.185)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(28.257.042.411)	(254.423.143.329)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	41.672.743.232	320.608.141.470
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(268.171.395)	(9.351.900.735)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	161.001	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(67.406.150.554)	(52.990.638.282)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.841.446.825)	(13.108.646.670)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	14.500.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.729.342.690)	(2.244.803.743)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	62.306.493.421	54.369.284.777
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.457.470.059)	(18.099.670.319)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	614.545.546	420.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(830.298.538.751)	(367.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	474.085.992.434	15.583.188.649
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	95.236.532
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	48.816.292.095	19.276.431.516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(311.239.178.735)	(350.724.813.622)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(39.818.367.279)	-
2. Tiền thu từ di vạy	33	1.878.901.632.931	1.930.586.510.768
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.606.450.039.960)	(1.549.577.727.557)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(9.274.071.612)	(10.515.537.752)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(40.658.485.100)	(40.808.267)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	182.700.668.980	370.452.437.192
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(66.232.016.334)	74.096.908.347
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	102.348.349.253	28.252.403.191
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(354.064)	(962.285)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	36.115.978.855	102.348.349.253

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Ngô Đình Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Engineering and Construction JSC.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Vốn điều lệ của Công ty là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE.

Trụ sở chính tại: Tầng 20, tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyên giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao, tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi ("NQN")	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C ("CII E&C - BM")	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C ("CII E&C - CC")	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia ("LGC")	Tp. Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; duy tu bảo dưỡng công trình

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Vào ngày 24 tháng 12 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông bất thường của Công ty đã ban hành Nghị Quyết về việc sẽ thực hiện sáp nhập Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CII E&C và Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C vào Công ty. Công ty mẹ cam kết sẽ kế thừa tất cả các nghĩa vụ, quyền và lợi ích đối với tất cả tài sản và nợ phải trả từ 2 công ty con này.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Theo kế hoạch sáp nhập vào Công ty mẹ đã được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông vào ngày 24 tháng 12 năm 2018, do đó Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CII E&C và Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục. Tuy nhiên do Công ty mẹ cam kết sẽ kế thừa tất cả các nghĩa vụ, quyền và lợi ích đối với tất cả tài sản và nợ phải trả sau khi sáp nhập nên báo cáo tài chính của 2 công ty con này đã được điều chỉnh và trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục để phục vụ cho việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền): Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.
- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng được mua vào và bán ra để kiếm lời), gồm: Cổ phiếu; trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập. Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý, việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán tài sản thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tồn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của một hoặc nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí khai thác khoáng sản không được vốn hóa vào giá trị tài sản cố định vô hình và các khoản chi phí trả trước khác.

Các chi phí khai thác khoáng sản không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ và chi phí đền bù, xây dựng mỏ;
- Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá;
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho UBND địa phương nơi khai thác.

Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng và chi phí đền bù, xây dựng mỏ

Các khoản chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng, đền bù và xây dựng cơ sở hạ tầng cho mỏ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước dài hạn dựa theo các chi phí thực tế phát sinh. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép khai thác mỏ.

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá được ghi nhận là chi phí trả trước khi Công ty có thể tiếp cận được lớp đá mới để khai thác. Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và chi phí phát sinh có thể được tính toán một cách đáng tin cậy. Chi phí này được phân bổ theo tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng năm so với tổng trữ lượng ước tính của mỏ.

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác nhân với đơn giá do UBND tỉnh nơi có mỏ khai thác công bố theo Nghị định số 2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ theo thời gian được khai thác mỏ.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa mỏ khai thác khoáng sản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp theo từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và tại thời điểm chốt danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi, cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả lại tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	4.847.900.424	570.397.261
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.268.078.431	91.777.951.992
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Cộng	36.115.978.855	102.348.349.253

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan (*)	17.876.042.076	35.194.383.946
Phải thu các khách hàng khác	179.277.460.298	173.999.586.602
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	34.913.385.950	26.161.866.173
Phải thu các khách hàng khác	144.364.074.348	147.837.720.429
Cộng	197.153.502.374	209.193.970.548

() Chi tiết phải thu khách hàng là các bên liên quan:*

Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	9.046.562.015	17.276.362.210
Công ty CII B&R	6.566.016.332	12.603.932.389
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.776.435.012	1.662.271.455
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Công ty CII	11.332.527	11.332.527
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	1.445.815.347
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	-	1.280.288.994
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	438.684.834
Cộng	17.876.042.076	35.194.383.946

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Bê tông Tiên Phong	37.529.165.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	15.512.457.945	31.544.135.565
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Vận tải Hà Thành	14.814.172.105	2.580.835.457
Các đối tượng khác	75.320.777.825	124.537.506.391
Cộng	143.176.573.675	158.662.477.413

Trong đó, chi tiết trả trước cho người bán là các bên liên quan:

Công ty CII B&R	35.550.000	35.550.000
-----------------	------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.4. Phải thu về cho vay**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan (*)	274.786.185.185	197.574.190.058
Phải thu các khách hàng khác	279.000.551.190	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành	84.695.552.109	-
Công ty Cổ phần Teracons	53.853.894.432	-
Đối tượng khác	140.451.104.649	-
Cộng	553.786.736.375	197.574.190.058
<i>(*) Chi tiết phải thu về cho vay là các bên liên quan:</i>		
Công ty CII	274.786.185.185	197.574.190.058

5.5. Phải thu khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công, ban quản lý dự án	148.319.977.413	193.506.062.772
Phải thu về lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	26.889.090.211	18.420.076.305
Phải thu người lao động	5.728.818.944	5.658.176.360
Các khoản chi hộ	16.652.785.445	9.631.425.154
Ký cược, ký quỹ	6.350.974.087	30.103.918.999
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711.872.739	711.872.739
Các khoản phải thu khác	10.894.476.266	10.766.785.423
	215.547.995.105	268.798.317.752
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	24.129.486.444	5.193.393.790
	24.129.486.444	5.193.393.790
Cộng	239.677.481.549	273.991.711.542
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan:</i>		
Phải thu lãi trái phiếu từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	7.566.666.667	7.566.666.667
Phải thu chi phí sử dụng vốn từ Công ty CII	3.816.177.796	10.356.121.582
Cộng	11.382.844.463	17.922.788.249

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.6. Nợ xấu

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi	
		VND	Dự phòng		VND	Dự phòng
Phải thu khách hàng	3.079.720.611	314.546.980	(2.765.173.631)	2.919.523.564	80.536.678	(2.838.986.886)
Trả trước cho người bán	419.262.463	-	(419.262.463)	419.262.463	125.778.739	(293.483.724)
Phải thu khác	1.743.198.547	-	(1.743.198.547)	1.743.198.547	-	(1.743.198.547)
Cộng	5.242.181.621	314.546.980	(4.927.634.641)	5.081.984.574	206.315.417	(4.875.669.157)

5.7. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.354.117.540	-	25.997.952.124	-
Công cụ, dụng cụ	168.514.775	-	340.866.744	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang	622.614.169.795	-	612.028.788.634	-
<i>Công trình thi công mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	<i>226.039.054.323</i>	-	<i>183.998.036.760</i>	-
<i>Công trình thi công đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận</i>	<i>158.895.045.242</i>	-	<i>131.101.804.673</i>	-
<i>Công trình thi công xây dựng đoạn 1 - Quốc lộ 60</i>	<i>18.834.155.739</i>	-	<i>77.129.027.496</i>	-
<i>Công trình thi công hạ tầng khu đô thị Thủ Thiêm</i>	<i>78.050.289.994</i>	-	<i>114.262.410.460</i>	-
<i>Các công trình khác</i>	<i>140.795.624.497</i>	-	<i>105.537.509.245</i>	-
Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang	41.568.519.019	-	33.182.531.821	-
Thành phẩm	23.736.297.992	-	21.111.369.229	-
Hàng hóa	23.624.437.342	-	15.147.505.500	-
Cộng	736.066.056.463	-	707.809.014.052	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí trả trước**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	323.213.299	757.946.687
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	377.417.665	-
Chi phí khác chờ phân bổ	360.605.377	734.058.751
	<u>1.061.236.341</u>	<u>1.492.005.438</u>
b. Dài hạn		
Chi phí san lấp mặt bằng và làm đường công vụ phục vụ dự án	18.828.418.060	-
Chi phí đền bù, trùng tu và chi phí cấp quyền khai thác mỏ khoáng sản	8.832.550.035	10.961.663.411
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.440.297.636	12.841.674.095
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	566.604.915	-
Chi phí khác chờ phân bổ	5.260.355.569	14.372.934.518
	<u>38.928.226.215</u>	<u>38.176.272.024</u>
Cộng	<u>39.989.462.556</u>	<u>39.668.277.462</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2018	39.095.265.801	74.062.296.396	24.076.728.639	1.544.831.227	138.779.122.063
Mua trong năm	-	1.574.985.636	2.139.640.909	232.500.000	3.947.126.545
Xây dựng cơ bản hoàn thành	237.732.078	-	-	-	237.732.078
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	7.932.219.000	-	-	7.932.219.000
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(1.207.113.892)	(1.629.988.972)	-	(2.837.102.864)
Tại ngày 31/12/2018	<u>39.332.997.879</u>	<u>82.362.387.140</u>	<u>24.586.380.576</u>	<u>1.777.331.227</u>	<u>148.059.096.822</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2018	7.692.855.525	40.614.646.541	11.327.142.121	1.027.263.682	60.661.907.869
Khấu hao trong năm	1.838.898.562	7.270.759.340	2.914.022.010	172.305.015	12.195.984.927
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(1.200.682.916)	(1.104.693.768)	-	(2.305.376.684)
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	2.958.090.000	-	-	2.958.090.000
Tại ngày 31/12/2018	<u>9.531.754.087</u>	<u>49.642.812.965</u>	<u>13.136.470.363</u>	<u>1.199.568.697</u>	<u>73.510.606.112</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	31.402.410.276	33.447.649.855	12.749.586.518	517.567.545	78.117.214.194
Tại ngày 31/12/2018	<u>29.801.243.792</u>	<u>32.719.574.175</u>	<u>11.449.910.213</u>	<u>577.762.530</u>	<u>74.548.490.710</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)****Thông tin bổ sung cho khoản mục tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 33.467.875.134 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 là 26.758.818.432 VND).

Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng. Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản được thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 75.722.161.223 VND và 53.031.611.044 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 lần lượt là 52.755.256.506 VND và 39.121.693.364 VND). (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.22)

5.10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2018	33.309.876.347
Thuê tài chính trong năm	900.000.000
Mua lại tài sản thuê tài chính	(7.888.240.000)
Tại ngày 31/12/2018	<u>26.321.636.347</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2018	5.608.375.280
Khấu hao trong năm	4.185.163.114
Mua lại tài sản thuê tài chính	(2.958.090.000)
Tại ngày 31/12/2018	<u>6.835.448.394</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2018	27.701.501.067
Tại ngày 31/12/2018	<u>19.486.187.953</u>

Tài sản cố định thuê tài chính bao gồm các máy móc thiết bị đi thuê theo các hợp đồng thuê tài chính. (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Quyền khai thác khoáng sản VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2018	7.871.388.649	360.000.000	600.000.000	8.831.388.649
Mua trong năm	-	639.000.000	-	639.000.000
Giảm khác	(42.857.143)	-	(600.000.000)	(642.857.143)
Phân loại sang chi phí trả trước	-	(60.000.000)	-	(60.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	<u>7.828.531.506</u>	<u>939.000.000</u>	<u>-</u>	<u>8.767.531.506</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2018	717.036.842	182.305.600	600.000.000	1.499.342.442
Khấu hao trong năm	203.450.532	79.040.549	-	282.491.081
Giảm khác	(42.857.143)	-	(600.000.000)	(642.857.143)
Phân loại sang chi phí trả trước	-	(6.986.301)	-	(6.986.301)
Tại ngày 31/12/2018	<u>877.630.231</u>	<u>254.359.848</u>	<u>-</u>	<u>1.131.990.079</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2018	7.154.351.807	177.694.400	-	7.332.046.207
Tại ngày 31/12/2018	<u>6.950.901.275</u>	<u>684.640.152</u>	<u>-</u>	<u>7.635.541.427</u>

Thông tin bổ sung cho khoản mục tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất được sử dụng để xây dựng nhà máy sản xuất ở Khu công nghiệp thuộc xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Diện tích sử dụng đất là 40.000 m² và có thời hạn sử dụng tính đến năm 2053. Quyền sử dụng đất này đã được cầm cố và thế chấp cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn. (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.22).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31 tháng 12 năm 2018 là 60.000.000 VND (tại 1 tháng 1 năm 2018 là 702.857.143 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.12. Bất động sản đầu tư**

	<u>Quyền sử dụng đất VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2018	5.836.987.368
Tại ngày 31/12/2018	<u>5.836.987.368</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2018	839.830.635
Tại ngày 31/12/2018	<u>839.830.635</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2018	4.997.156.733
Tại ngày 31/12/2018	<u>4.997.156.733</u>
Thông tin bổ sung cho khoản mục bất động sản đầu tư	

Bất động sản đầu tư là lô đất chờ tăng giá tại địa chỉ số 29/3, đường D2, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí). Lô đất có thời hạn sử dụng 50 năm, sẽ hết thời gian sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long (*Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.22*).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này. Tuy nhiên, dựa trên tình hình kinh doanh thực tế, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại vào ngày này.

5.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2018 VND</u>	<u>01/01/2018 VND</u>
Chi phí mua sắm tài sản cố định	997.272.727	-
Chi phí xây dựng nhà máy gạch không nung	-	206.330.109
Chi phí xây dựng dở dang khác	-	649.993.093
Cộng	<u>997.272.727</u>	<u>856.323.202</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.14. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Trái phiếu	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000

Thông tin bổ sung cho khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty đã mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với tổng giá trị là 120.000.000.000 đồng bao gồm 120 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3,2%/năm.

Giấy chứng nhận trái phiếu đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long. (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.22)

5.15. Thuế thu nhập hoãn lại

	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.825.804.238
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	2.585.481.722
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	2.240.322.516
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(176.794.600)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.417.117.116
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(94.274.268)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	94.274.268
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	44.382.279
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	49.891.989
Thu nhập thuần ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(221.176.879)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Phải trả người bán là các bên liên quan (*)	5.273.845.000	5.273.845.000	7.104.788.576	7.104.788.576
Phải trả người bán là các đối tượng khác	265.527.129.813	260.253.284.813	143.517.171.388	143.517.171.388
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành	66.998.681.427	66.998.681.427	41.149.643.276	41.149.643.276
Công ty Cổ phần ROADCO	17.470.190.050	17.470.190.050	2.356.566.490	2.356.566.490
Các nhà cung cấp khác	181.058.258.336	181.058.258.336	100.010.961.622	100.010.961.622
Cộng	270.754.929.813	265.527.129.813	150.621.959.964	150.621.959.964
<i>(*) Chi tiết các khoản phải trả cho các bên liên quan:</i>				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	273.845.000	273.845.000	273.845.000	273.845.000
Công ty CII B&R	-	-	1.830.943.576	1.830.943.576
Cộng	5.273.845.000	5.273.845.000	7.104.788.576	7.104.788.576

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CIH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.17. Lợi thế thương mại**

	Giá trị ghi sổ VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	44.941.615.175
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	44.941.615.175
HÀO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	11.235.403.794
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	4.494.161.517
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	15.729.565.311
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	33.706.211.381
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	29.212.049.864

5.18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (*)	369.288.312.269	435.170.949.499
Các khách hàng khác	64.454.418.293	83.398.125.408
Cộng	433.742.730.562	518.569.074.907

() Chi tiết người mua trả tiền trước là các bên liên quan:*

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	180.983.494.978	241.075.263.282
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	96.997.394.009	171.821.982.226
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	53.300.942.952	486.157.985
Công ty Cổ Phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	17.574.825.800	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	13.445.460.864	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	6.623.845.774	21.787.546.006
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	362.347.892	-
Cộng	369.288.312.269	435.170.949.499

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	1.294.172.904	3.358.455.112	4.112.081.181	540.546.835
Thuế TNDN	8.708.418.878	19.810.758.093	12.841.446.825	15.677.730.146
Thuế TNCN	1.974.331.831	2.361.872.840	2.915.290.668	1.420.914.003
Thuế tài nguyên	2.309.296.197	2.784.573.223	3.936.041.719	1.157.827.701
Các khoản khác	1.178.179.247	2.679.091.813	2.702.267.831	1.155.003.229
Cộng	15.464.399.057	30.994.751.081	26.507.128.224	19.952.021.914

5.20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	4.161.127.515	-
Chi phí lãi vay phải trả	1.934.625.448	2.878.152.035
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh khác	587.777.778	105.000.000
Cộng	6.683.530.741	2.983.152.035

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.21. Phải trả khác**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Các khoản thu hộ	19.785.780.485	19.499.026.442
Phải trả các đội thi công	11.655.588.080	6.125.205.904
Phải trả về lãi hỗ trợ kinh doanh	2.083.138.472	123.499.839
Phải trả về gốc hỗ trợ kinh doanh	1.296.200.000	-
Phải trả về mua cổ phần	410.000.000	410.000.000
Bảo hiểm xã hội	802.481.698	113.316.245
Kinh phí công đoàn	347.143.640	116.838.066
Bảo hiểm y tế	115.075.309	19.189.890
Bảo hiểm thất nghiệp	23.970.600	9.608.985
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	95.000	40.637.580.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	798.460.424	684.798.612
	37.317.933.708	67.739.064.083
b. Dài hạn		
Phải trả về vốn hỗ trợ kinh doanh	-	5.750.000.000
	-	5.750.000.000
Cộng	37.317.933.708	73.489.064.083
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan:</i>		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	838.356.164	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	203.608.333	-
Công ty CII	-	21.165.112.000
Cộng	1.041.964.497	21.165.112.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.22. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Các khoản vay ngân hàng						
Ngân hàng BIDV - CN Vĩnh Long	282.146.361.728	282.146.361.728	342.031.961.803	368.086.797.539	308.201.197.464	308.201.197.464
Ngân hàng Vietcombank - CN TP. Hồ Chí Minh	69.896.000.263	69.896.000.263	99.896.000.263	148.744.716.820	118.744.716.820	118.744.716.820
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	44.990.077.125	44.990.077.125	181.320.476.817	174.392.093.141	38.061.693.449	38.061.693.449
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Quảng Ngãi	11.697.493.707	11.697.493.707	38.843.386.177	36.941.419.623	9.795.527.153	9.795.527.153
Ngân hàng Viettinbank - CN 11, TP. Hồ Chí Minh	6.155.780.625	6.155.780.625	123.858.162.017	316.632.823.379	198.930.441.987	198.930.441.987
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn	2.600.000.000	2.600.000.000	5.038.339.018	2.438.339.018		
	417.485.713.448	417.485.713.448	790.988.326.095	1.047.236.189.520	673.733.576.873	673.733.576.873

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)						
Các khoản vay khác						
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	128.814.990.396	128.814.990.396	156.097.290.196	27.282.299.800	-	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	5.000.000.000	5.000.000.000	12.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Các khoản vay cá nhân ngắn hạn	125.901.690.000	125.901.690.000	140.099.250.000	14.197.560.000	-	-
	279.716.680.396	279.716.680.396	328.196.540.196	48.479.859.800	-	-
Cộng	697.202.393.844	697.202.393.844	1.119.184.866.291	1.095.716.049.320	673.733.576.873	673.733.576.873
Nợ thuê tài chính đến hạn trả						
(xem Thuyết minh c)	4.734.255.228	4.734.255.228			9.394.872.080	9.394.872.080
Cộng các khoản vay ngắn hạn	701.936.649.072	701.936.649.072			683.128.448.953	683.128.448.953

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/TIN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b. Vay dài hạn						
Các khoản vay cá nhân dài hạn	253.436.576.000	253.436.576.000	253.436.576.000	-	-	-
c. Nợ thuê tài chính dài hạn						
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	9.277.803.753	9.277.803.753	-	10.474.236.817	19.752.040.570	19.752.040.570
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST	706.493.506	706.493.506	900.000.000	193.506.494		
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(4.734.255.228)	(4.734.255.228)			(9.394.872.080)	(9.394.872.080)
	<u>5.250.042.031</u>	<u>5.250.042.031</u>	<u>900.000.000</u>	<u>10.667.743.311</u>	<u>10.357.168.490</u>	<u>10.357.168.490</u>
Cộng	<u>258.686.618.031</u>	<u>258.686.618.031</u>			<u>10.357.168.490</u>	<u>10.357.168.490</u>
Cộng các khoản vay và nợ thuê tài chính	<u>960.623.267.103</u>	<u>960.623.267.103</u>			<u>693.485.617.443</u>	<u>693.485.617.443</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Trong đó, số dư nợ vay các bên liên quan:</i>						
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận	128.814.990.396	128.814.990.396	156.097.290.196	27.282.299.800	-	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	5.000.000.000	5.000.000.000	12.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Cộng	153.814.990.396	153.814.990.396	188.097.290.196	34.282.299.800	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)***Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính*

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
<u>Ngắn hạn</u>					
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long	282.146.361.728	8 tháng	7,9 ~ 8,6%	Bổ sung vốn lưu động.	- Quyền sử dụng đất tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; (Nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí) - Hệ thống dúc hầm; - Xe ô tô Honda (CRV) mang biển số 51A-835.2; - Xe ô tô Ford (RANGER) mang biển số 51C-394.48; - Xe ô tô Hyundai (SANTAFE) BS: 51A-856.54; - Xe ô tô biển số 51C-62636; - Xe ô tô biển số 51A-90435; - Xe ô tô biển số 51A-69677; - Quyền đòi nợ các khoản phải thu đã thế chấp với ngân hàng, tổng giá trị các hợp đồng đã thế chấp 535.726.269.972 VND; - Trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội phát hành ngày 19/05/2017 cho Công ty CII E&C trị giá 120 tỷ đồng.
Ngân hàng Vietcombank - CN TP. Hồ Chí Minh	69.896.000.263	10 tháng	7,8%	Bổ sung vốn lưu động.	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, giá trị khoản tiền gửi 20 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
<u>Ngắn hạn</u>					
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Tây Sài Gòn	44.990.077.125	6 tháng	6,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền sử dụng đất tại đường số 25C, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Quảng Ngãi	11.697.493.707	12 tháng	7,0%	Bổ sung vốn lưu động.	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền khai thác đá tại mỏ Thọ Bắc, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	6.155.780.625	6 tháng	7,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty CII E&C đã sử dụng vốn vay để thi công.
Ngân hàng MBBank - Chi nhánh Đông Sài Gòn	2.600.000.000	12 tháng	7,4%	Phục vụ hoạt động xây lắp công trình điện.	- Khoản phải thu hình thành từ hợp đồng thực hiện gói thầu số 01 "Thi công hạng mục thay thế đèn chiếu sáng thuộc dự án "Tăng cường khả năng khai thác trên tuyến Quốc lộ 1 (đoạn từ cầu Bình Phước đến ngã tư An Sương) quận 12. Trị giá quyền đòi nợ: 8.815.241.680; - Toàn bộ số dư và lãi phát sinh trên Tài khoản tiền gửi thanh toán mở tại ngân hàng cho vay; - Các quyền và lợi ích phát sinh từ Hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ và tài khoản thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
<u>Ngắn hạn</u>					
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	128.814.990.396	12 tháng	10,5%	Bổ sung vốn thi công công trình xây dựng cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận (Gọi thầu KCI-XL4).	Vay tín chấp.
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	20.000.000.000	17 tháng	10,0%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	5.000.000.000	12 tháng	9,2%	Bổ sung vốn thi công công trình xây dựng mở rộng QL60 - Bến Tre	Vay tín chấp.
Các khoản vay các cá nhân	125.901.690.000	12 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.
<u>Dài hạn</u>					
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	9.277.803.753	3 - 4 năm	8% - 8,5%	Thuê tài chính.	Giá trị khoản đặt cọc cho khoản thuê tài chính là 2.904.089.000 VND. Sau khi kết thúc hợp đồng Công ty sẽ mua lại toàn bộ thiết bị với giá mua lại bằng 0,3% - 0,5% giá thuê ban đầu.
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN Đà Nẵng	706.493.506	36 tháng	8,5%	Thuê tài chính.	Sau khi kết thúc hợp đồng Công ty sẽ mua lại toàn bộ thiết bị với giá mua lại là 1.000.000 VND.
Các khoản vay các cá nhân	253.436.576.000	24 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.484.904.576	9.394.872.080
Trong năm thứ hai	258.686.618.031	5.067.940.222
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	5.289.228.268
	<u>263.171.522.607</u>	<u>19.752.040.570</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(4.484.904.576)	(9.394.872.080)
Cộng	<u>258.686.618.031</u>	<u>10.357.168.490</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.23. Vốn chủ sở hữu

a. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017	415.000.000.000	400.000.000	-	6.491.138.089	43.123.316.935	-	465.014.455.024
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	90.270.559.651	21.962.682	90.292.522.333
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	188.098.332	188.098.332
Chia cổ tức	-	-	-	-	(41.500.000.000)	(28.846.154)	(41.528.846.154)
Thù lao cho Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(65.718.500)	-	(65.718.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.927.337.477)	-	(2.927.337.477)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	608.082.817	(608.082.817)	-	-
Chi khen thưởng khác	-	-	-	-	(315.935.000)	-	(315.935.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(6.701.493)	-	(6.701.493)
Tại ngày 01/01/2018	415.000.000.000	400.000.000	-	7.099.220.906	87.970.101.299	181.214.860	510.650.537.065
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.169.299.928	15.523.274	4.184.823.202
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(39.818.367.279)	-	-	-	(39.818.367.279)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(21.000.000)	(21.000.000)
Thù lao cho Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(295.673.976)	-	(295.673.976)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.778.986.667	(1.778.986.667)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.658.634.779)	-	(4.658.634.779)
Tại ngày 31/12/2018	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	8.878.207.573	85.406.105.805	175.738.134	470.041.684.233

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.23. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Tên cổ đông	31/12/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CII	54,97%	217.151.120.000	51,00%	211.651.120.000
Các cổ đông khác	45,03%	177.848.880.000	49,00%	203.348.880.000
Cộng	100%	395.000.000.000	100%	415.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.000.000	-
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.500.000	41.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	39.500.000	41.500.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

d. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26 tháng 4 năm 2018, cổ tức năm 2017 được phê duyệt là 5%, tương đương 20.750.000.000 đồng. Tùy thuộc tình hình thực tế, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xây dựng phương án, hình thức và thời gian chi trả phù hợp với hoạt động của Công ty. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty chưa ra Quyết định chi trả cổ tức, do đó khoản cổ tức này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức năm 2018 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ tối thiểu là 15%. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

5.24. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	918.069.472.770	579.889.479.443
Doanh thu bán hàng	232.689.702.074	246.048.429.357
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.025.672.586	4.463.926.417
Cộng	1.183.784.847.430	830.401.835.217
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	(44.707.349)	-
Doanh thu thuần	1.183.740.140.081	830.401.835.217

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/IN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.24. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<i>Trong đó, doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan:</i>		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: <i>Khối lượng thi công dự án Thủ Thiêm</i>	421.010.402.718	271.003.439.508
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu : <i>Khối lượng thi công dự án QL60</i>	183.798.457.091	30.514.784.532
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	152.795.750.794	96.599.852.788
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận: <i>thi công các gói thầu dự án Trung Lương Mỹ Thuận</i>	58.824.976.364	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án DT741</i>	7.468.968.330	27.288.801.949
Công ty CII B&R: <i>Khối lượng thi công các công trình và doanh thu bán hàng hóa</i>	4.647.202.461	36.391.508.737
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu: <i>Khối lượng thi công công trình dự án Cầu Ông Dầu</i>	4.099.084.461	-
Công ty SII: <i>Khối lượng thi công các gói thuộc dự án nhà máy nước Củ Chi</i>	-	19.090.874.968
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII: <i>Khối lượng duy tu công trình đường Nguyễn Hoàng</i>	-	398.804.394
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng tỉnh Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công công trình Ninh Thuận</i>	(1.493.306.260)	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2 và trạm thu phí Cà Ná</i>	(8.229.800.195)	37.886.308.195
Cộng	822.921.735.764	519.174.375.071

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.25. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn từ hoạt động xây dựng	868.354.112.270	458.418.411.091
Giá vốn hàng đã bán	208.069.856.672	206.426.846.571
Giá vốn của dịch vụ	11.597.588.381	2.164.141.387
Cộng	1.088.021.557.323	667.009.399.049

5.26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	57.285.306.001	35.104.878.017
Lãi phát sinh từ khoản ứng vốn cho nhà thầu thi công	-	7.500.000.000
Hoàn nhập lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	-	(379.489.959)
Cộng	57.285.306.001	42.225.388.058

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh với các bên liên quan:

Công ty CII	25.483.678.153	25.704.823.129
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	12.166.666.667	7.566.666.667
Cộng	37.650.344.820	33.271.489.796

5.27. Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	67.737.083.845	57.558.791.109
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	1.282.780.669	1.887.775.743
Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm	568.752	-
Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	354.064	962.285
Chi phí tài chính khác	12.151.951	-
Cộng	69.032.939.281	59.447.529.137

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh với các bên liên quan:

Công ty CII	8.224.754.963	13.695.387.514
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	7.097.290.196	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	838.356.164	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	248.655.555	-
Cộng	16.409.056.878	13.695.387.514

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.28. Chi phí bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	1.021.596.895	1.065.342.525
Chi phí vật liệu bao bì	-	342.705.984
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	21.613.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.446.428.113	4.202.044.025
Chi phí bằng tiền khác	627.993.070	662.579.600
Cộng	5.096.018.078	6.294.285.868

5.29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	29.548.114.109	28.282.797.308
Chi phí vật liệu quản lý	12.460.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.171.138.056	1.999.604.526
Chi phí khấu hao	1.454.387.151	1.709.109.931
Chi phí công tác, tiếp khách	1.133.135.966	1.607.251.668
Thuế, phí và lệ phí	74.100.128	-
Chi phí dự phòng	51.965.484	831.348.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.496.385.643	11.698.133.212
Chi phí bằng tiền khác	2.601.751.464	3.907.777.344
Phân bổ lợi thế thương mại	4.494.161.517	4.494.161.518
Cộng	52.037.599.518	54.530.184.495

Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh với các bên liên quan:

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa

Ôc Lữ Gia

828.827.482

664.609.527

5.30. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	82.819.366	67.366.385
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	27.611.132.397
Các khoản thu nhập khác	442.675.934	163.128.717
Cộng	525.495.300	27.841.627.499

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.31. Chi phí khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính và trong lĩnh vực thuế	2.078.462.771	2.816.103.903
Xử lý khoản chi phí đầu tư xây dựng dở dang	649.993.093	-
Giá trị còn lại của TSCĐ và CCDC thanh lý	-	804.205.694
Các khoản chi phí khác	859.966.902	132.198.831
Cộng	3.588.422.766	3.752.508.428

5.32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	23.774.404.416	109.434.943.797
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	52.890.095.560	4.191.349.967
Lợi thế thương mại phân bổ	4.494.161.517	4.494.161.518
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ bị loại trừ khi hợp nhất	1.105.884.395	(13.037.178.614)
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	(27.611.132.397)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	379.489.959
	(91.393.370)	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế		
Thu nhập chịu thuế	82.173.152.518	77.851.634.230
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	82.173.152.518	77.851.634.230
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	16.434.630.504	15.570.326.847
Thuế TNDN năm trước nộp bổ sung	3.376.127.589	892.338.626
Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.810.758.093	16.462.665.473

5.33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	584.825.068.699	804.107.899.854
Giá mua hàng hóa	63.732.128.031	-
Chi phí nhân công	105.187.068.468	97.829.810.064
Chi phí dự phòng	264.108.500	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.711.831.757	15.649.329.887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	732.158.878.799	450.894.217.338
Chi phí bằng tiền khác	16.098.311.981	22.434.953.905
Cộng	1.518.977.396.235	1.390.916.211.048

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	4.169.299.928	90.270.559.651
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(291.850.995)	(2.708.760.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.877.448.933	87.561.799.651
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	40.260.001	41.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>96</u>	<u>2.110</u>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Số tiền vay thực nhận trong năm theo kế ước thông thường	1.202.550.704.473	1.143.086.510.768
Tiền vay các Công ty trong tập đoàn Cộng	<u>676.350.928.458</u>	<u>787.500.000.000</u>
	1.878.901.632.931	1.930.586.510.768
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Hoàn trả nợ gốc vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo kế ước thông thường	1.083.914.101.898	762.077.727.557
Trả nợ gốc vay các Công ty trong tập đoàn Cộng	<u>522.535.938.062</u>	<u>787.500.000.000</u>
	1.606.450.039.960	1.549.577.727.557

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Báo cáo bộ phận**

Đề phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng: sản xuất kinh doanh cần cùn, trụ đèn, trụ điện lực, thiết bị điện; khai thác khoáng sản (đất, đá) và bán vật tư xây dựng.
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng, kho bãi và cho thuê tài sản, thiết bị.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND	Thi công, lắp đặt, duy tu công trình VND	Cho thuê tài sản và dịch vụ khác VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	232.644.994.725	918.069.472.770	33.025.672.586	-	1.183.740.140.081
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	234.764.079.128	93.822.412.908	5.474.442.953	(334.060.934.989)	-
Cộng	467.409.073.853	1.011.891.885.678	38.500.115.539	(334.060.934.989)	1.183.740.140.081
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	208.069.856.672	868.354.112.270	11.597.588.381	-	1.088.021.557.323
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	249.309.959.823	79.334.509.895	-	(328.644.469.718)	-
Cộng	457.379.816.495	947.688.622.165	11.597.588.381	(328.644.469.718)	1.088.021.557.323
Lợi nhuận gộp bộ phận	10.029.257.358	64.203.263.513	26.902.527.158	(5.416.465.271)	95.718.582.758
Doanh thu hoạt động tài chính					57.285.306.001
Chi phí tài chính					69.032.939.281
Chi phí bán hàng					5.096.018.078
Chi phí quản lý doanh nghiệp					52.037.599.518
Thu nhập khác					525.495.300
Chi phí khác					3.588.422.766
Chi phí thuế TNDN hiện hành					19.810.758.093
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					(221.176.879)
Tổng lợi nhuận sau thuế					4.184.823.202

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)***Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

	Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND	Thi công, lắp đặt, duy tu công trình VND	Cho thuê tài sản và dịch vụ khác VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	246.048.429.357	579.889.479.443	4.463.926.417	-	830.401.835.217
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	115.498.513.165	49.392.934.964	9.980.358.416	(174.871.806.545)	-
Cộng	361.546.942.522	629.282.414.407	14.444.284.833	(174.871.806.545)	830.401.835.217
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	206.426.846.571	458.418.411.091	2.164.141.387	-	667.009.399.049
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	13.225.935.544	152.785.533.016	9.980.358.416	(175.991.826.976)	-
Cộng	219.652.782.115	611.203.944.107	12.144.499.803	(175.991.826.976)	667.009.399.049
Lợi nhuận gộp bộ phận	141.894.160.407	18.078.470.300	2.299.785.030	1.120.020.431	163.392.436.168
Doanh thu hoạt động tài chính					42.225.388.058
Chi phí tài chính					59.447.529.137
Chi phí bán hàng					6.294.285.868
Chi phí quản lý doanh nghiệp					54.530.184.495
Thu nhập khác					27.841.627.499
Chi phí khác					3.752.508.428
Chi phí thuế TNDN hiện hành					16.462.665.473
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					2.679.755.991
Tổng lợi nhuận sau thuế					90.292.522.333

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Danh sách bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII ("Công ty CII B&R")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn ("Công ty SII")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Công ty liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bẩy Bẩy	Công ty liên kết của tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty CII		
Nhận vốn hợp tác thi công dự án	1.381.491.506.849	787.500.000.000
Hoàn trả vốn hợp tác thi công dự án	893.237.868.587	578.661.720.309
Thanh toán chi phí sử dụng vốn	2.762.131.413	8.688.279.691
Chuyển vốn hợp tác đầu tư	724.904.635.000	247.000.000.000
Thu hồi vốn hợp tác đầu tư	186.000.000.000	15.583.188.649
Thu tiền lãi hợp tác đầu tư thi công dự án	-	10.416.811.351
Cán trừ công nợ hai bên	493.716.261.812	213.845.387.514
Cố tức đã trả cho công ty mẹ trong năm	21.165.112.000	-
Nhận ứng trước tiền thi công dự án Thủ Thiêm	-	1.028.837.608

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Thu tiền khối lượng thi công xây lắp	107.983.557.569	345.102.548.927
Mua trái phiếu	-	120.000.000.000
Thu lãi trái phiếu	12.166.666.667	-
Chuyển trả lại tiền thi công gói thầu 5A do tạm ứng dư	-	1.274.859.912
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		
Thu tiền khối lượng thi công các công trình	-	25.064.613.909
Công ty SII		
Thu tiền khối lượng thi công dự án	-	94.620.035.721
Chi phí súc xả khử trùng tuyến ống	-	466.028.036
Chuyển trả tiền súc xả khử trùng tuyến ống	-	500.054.128
Thanh toán tiền khắc phục sự cố	-	12.843.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận thanh toán mua vật tư và thi công công trình	408.125.454.377	402.680.861.180
Nhận tiền hỗ trợ vốn	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG		
Thu tiền thi công dự án DT 741	8.101.701.606	25.841.090.689
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Thu tiền thi công các công trình	187.014.602.569	55.353.808.993
Thu hộ tiền thi công dự án Quốc lộ 60 cho các bên liên doanh	65.972.812.150	-
Thu tiền vay	12.000.000.000	-
Chuyển trả tiền vay	7.000.000.000	-
Lãi vay đã trả	45.047.222	-
Công ty CII B&R		
Thu tiền thi công và bán vận tư	8.767.862.098	47.309.835.676
Cần trừ công nợ phải thu, phải trả	1.621.159.905	-
Chi phí mua vật tư	-	1.664.494.160
Nhận chuyển nhượng công ty LGC	-	78.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro		
Thanh toán tiền mua ống và phụ kiện giai đoạn 2	-	17.528.305.086
Nhập kho ống và phụ kiện	-	9.113.274.960

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng		
Thanh toán tiền thi công	438.684.834	109.681.818
Chi phí thi công sơn đường, vệ sinh mặt đường	62.727.272	368.495.454
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh địa ốc Lữ Gia		
Thanh toán tiền thuê văn phòng	694.184.160	731.070.480
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Tiền đi vay nhận được trong năm	149.000.000.000	-
Chuyên trả lại tiền vay trong năm	1.337.883.000	-
Lãi đi vay nhập vào nợ gốc vay	7.097.290.196	-
Cán trừ tiền thi công vào nợ gốc vay	25.944.416.800	-
Thu tiền thi công dự án	56.337.883.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ		
Nhận tạm ứng tiền bán hàng	13.445.460.864	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu		
Thu tiền thi công dự án	4.508.992.907	-

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lương và các khoản thu nhập khác	2.147.868.117	2.126.593.102

7.3 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	961.919.467.103	699.235.617.443
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(36.115.978.855)	(102.348.349.253)
Nợ thuần	925.803.488.248	596.887.268.190
Vốn chủ sở hữu	470.041.684.233	510.650.537.065
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	197%	117%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.115.978.855	102.348.349.253
Phải thu khách hàng	194.388.328.743	206.354.983.662
Phải thu về cho vay	553.786.736.375	197.574.190.058
Phải thu khác	88.367.480.038	77.918.504.290
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	120.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	992.658.524.011	704.196.188.264
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	961.919.467.103	699.235.617.443
Phải trả người bán	270.754.929.813	150.621.959.964
Các khoản phải trả khác	36.021.733.708	67.739.064.083
Chi phí phải trả	6.683.530.741	2.983.152.035
Cộng	1.275.379.661.365	920.579.793.525

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.115.978.855	-	-	36.115.978.855
Phải thu khách hàng	194.388.328.743	-	-	194.388.328.743
Phải thu về cho vay	553.786.736.375	-	-	553.786.736.375
Phải thu khác	64.237.993.594	24.129.486.444	-	88.367.480.038
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	120.000.000.000	-	120.000.000.000
Cộng	848.529.037.567	144.129.486.444	-	992.658.524.011
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	703.232.849.072	258.686.618.031	-	961.919.467.103
Phải trả người bán	270.754.929.813	-	-	270.754.929.813
Các khoản phải trả khác	36.021.733.708	-	-	36.021.733.708
Chi phí phải trả	6.683.530.741	-	-	6.683.530.741
Cộng	1.016.693.043.334	258.686.618.031	-	1.275.379.661.365
Chênh lệch thanh khoản thuần	(168.164.005.767)	(114.557.131.587)	-	(282.721.137.354)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CUI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Dưới 1 năm

VND

Tại ngày 01/01/2018

Tài sản tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền	102.348.349.253
Phải thu khách hàng	206.354.983.662
Phải thu về cho vay	197.574.190.058
Phải thu khác	72.725.110.500
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	-
Cộng	579.002.794.474

Nợ phải trả tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính	683.128.448.953
Phải trả người bán	150.621.959.964
Các khoản phải trả khác	67.739.064.083
Chi phí phải trả	2.983.152.035
Cộng	904.472.625.035
Chênh lệch thanh khoản thuần	(325.469.830.561)

Mẫu B 09 - DN/HN

Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
-	-	102.348.349.253
-	-	206.354.983.662
-	-	197.574.190.058
5.193.393.790	-	77.918.504.290
-	-	161.001
120.000.000.000	-	120.000.000.000
125.193.393.790	-	704.196.188.264
16.107.168.490	-	699.235.617.443
-	-	150.621.959.964
-	-	67.739.064.083
-	-	2.983.152.035
16.107.168.490	-	920.579.793.525
109.086.225.300	-	(216.383.605.261)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.4 Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Ngô Đình Thành